

Số: 121/QĐ-ĐHCNQ

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận kết quả rèn luyện học kỳ 1 năm học 2022 – 2023 của sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-HĐT ngày 13/6/2022 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Hướng dẫn số 248/HĐ-ĐHCNQ ngày 31/7/2017 của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng cấp Trường đánh giá kết quả rèn luyện học kỳ 1 năm học 2022 – 2023 của sinh viên ngày 03/03/2023;

Xét đề nghị của Thường trực hội đồng Thi đua khen thưởng khối học sinh sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả rèn luyện học kỳ 1 năm học 2022 – 2023 cho 954 sinh viên (danh sách kèm theo).

Điều 2. Trưởng các đơn vị trong toàn trường, Cố vấn học tập và 954 sinh viên căn cứ Quyết định thực hiện.

Nơi nhận:

- Giám hiệu;
- Như điều 2;
- Lưu: VT, CTSV.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Hùng Cường

TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số: 121/QĐ - ĐHCNQN, ngày 03 tháng 3 năm 2023)

Tổng số sinh viên: 976, số sinh viên tham gia đánh giá: 954 chiếm 97,75%.

22 sinh viên không đánh giá rèn luyện do: Bị Buộc thôi học, nghỉ học bảo lưu, không tham gia học tập

Kết quả cụ thể như sau:

Khoa	Tổng số Sinh viên	Số SV tham gia ĐG	XẾP LOẠI											
			XS		Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Mô & Công trình	26	26	2	7,69	17	65,38	7	26,92	0	0	0	0	0	0
Cơ khí - Động lực	74	74	11	14,86	53	71,62	6	8,11	4	5,41	0	0	0	0
Công nghệ thông tin	94	93	47	50,54	40	43,01	4	4,30	0	0,00	0	0	2	2,15
Điện	295	291	66	22,68	119	40,89	91	31,27	15	5,15	0	0	0	0
Kinh tế	207	193	46	23,83	105	54,40	39	20,21	3	1,55	0	0	0	0
Khoa học cơ bản	280	277	60	21,66	190	68,59	17	6,14	2	0,72	4	1,44	4	1,44
Tổng	976	954	232	24,32	524	54,93	164	17,19	24	2,52	4	0,42	6	0,63

DỰ THẢO KẾT QUẢ GIÁ RÈN LUYỆN SINH VIÊN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2022 - 2023

(Kèm theo Quyết định số: /21/QĐ - ĐHCNQN, ngày 03/3/2023)

TT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
1	LA12DH0028	Tholy	Sybounseng	Hầm & Cầu K12	18	18	18	18	8	80	Tốt
2	LA12DH0026	Sitthisay	Thongsamai	Hầm & Cầu K12	18	18	18	18	8	80	Tốt
3	CQ12DH0005	Nguyễn Thanh	Tùng	Hầm & Cầu K12	17	18	18	19	8	80	Tốt
4	LA12DH0027	Saksada	Xaibounheuang	Hầm & Cầu K12	18	18	18	18	8	80	Tốt
5	CQ12DH0087	Nguyễn Tiến	Đạt	Hầm lò K12	18	18	18	18	8	80	Tốt
6	CQ12DH0137	Dương Văn Huệ	Giang	Hầm lò K12	18	18	18	18	8	80	Tốt
7	CQ12DH0148	Bùi Văn	Long	Hầm lò K12	17	18	18	18	8	79	Khá
8	CQ12DH0085	Nguyễn Tiến	Thành	Hầm lò K12	18	18	18	18	8	80	Tốt
9	LA12DH0024	Aewsy	Ainmethai	TĐ Công trình K12	18	18	18	18	8	80	Tốt
10	CQ12DH0146	Nguyễn Danh	Hùng	TĐ Công trình K12	18	15	18	18	8	77	Khá
11	CQ12DH0110	Trịnh Đức	Huy	TĐ Công trình K12	18	18	18	18	8	80	Tốt
12	LA12DH0025	Souk	Khammeexay	TĐ Công trình K12	18	17	18	19	8	80	Tốt
13	CQ13DH0452	Nguyễn Việt	Anh	Hầm lò K13	18	24	18	23	8	91	XS
14	CQ13DH0436	Phạm Hải	Nam	Hầm lò K13	15	15	16	17	8	71	Khá
15	LA13DH0024	Keng	Thor	Hầm lò K13	19	22	18	23	8	90	XS
16	CQ13DH0185	Nguyễn Văn	Tùng	Hầm lò K13	18	15	18	16	8	75	Khá
17	CQ13DH0187	Phạm Thanh	Tùng	Hầm lò K13	16	19	18	19	8	80	Tốt
18	LTCQ14DH04	Vương Việt	Dũng	LT Hầm lò K14	16	18	18	18	8	78	Khá
19	LTCQ14DH15	Phạm Hồng	Thanh	LT Hầm lò K14	18	18	18	18	8	80	Tốt
20	LTCQ14DH11	Nguyễn Duy	Thuần	LT Hầm lò K14	18	18	18	18	8	80	Tốt
21	LA14DH0020	Latdavon	Xavvouth	Mỏ lộ thiên K14	18	18	18	18	8	80	Tốt
22	CQ14DH0238	Nguyễn Ngọc Hải	Phòng	Mỏ lộ thiên K14	15	18	18	18	7	76	Khá
23	CQ14DH0311	Nguyễn Văn	Son	Mỏ lộ thiên K14	18	18	18	18	8	80	Tốt
24	CQ14DH0230	Đoàn Tiến	Dũng	Hầm cầu K14	15	18	18	18	8	77	Khá
25	LA14DH0030	Aliaxay	Chueherthor	Hầm cầu K14	18	19	18	18	8	81	Tốt
26	LA14DH0035	Maikham	Sorseng	Hầm cầu K14	17	19	18	18	8	80	Tốt
27	CQ12DH0105	Hòa Ngọc	Đại	Ô Tô K12	20	15	20	20	2	77	Khá
28	CQ12DH0017	Đặng Tiến	Đạt	Ô Tô K12	20	20	25	20	1	86	Tốt
29	CQ12DH0012	Lý Thành	Đạt	Ô Tô K12	20	10	20	20	2	72	Khá
30	CQ12DH0013	Trần Công	Đức	Ô Tô K12	20	25	20	20	2	87	Tốt
31	CQ12DH0018	Trần Minh	Đức	Ô Tô K12	20	25	20	20	2	87	Tốt
32	CQ12DH0007	Phạm Hoàng	Kiên	Ô Tô K12	20	20	25	20	2	87	Tốt
33	CQ12DH0046	Đào Ngọc	Nam	Ô Tô K12	20	20	20	20	0	80	Tốt
34	CQ12DH0047	Hoàng Sỹ	Nguyên	Ô Tô K12	20	25	20	25	2	92	XS
35	CQ12DH0014	Trần Mạnh	Thái	Ô Tô K12	20	25	20	25	2	92	XS
36	LA12DH0001	Anousith	Thammalath	Ô Tô K12	20	25	20	20	0	85	Tốt
37	CQ12DH0008	Nguyễn Văn	Tiến	Ô Tô K12	20	15	25	20	2	82	Tốt
38	CQ12DH0009	Cao Thế	Trung	Ô Tô K12	20	4	20	20	0	64	TB
39	CQ12DH0015	Hoàng Đức	Trung	Ô Tô K12	10	20	20	20	1	71	XS
40	CQ12DH0011	Bé Minh	Vương	Ô Tô K12	20	25	20	20	10	95	XS

TT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
41	LA13DH0020	Khamsy	Lorxayxang	Ô tô K13	20	25	20	20	5	90	XS
42	LA13DH0016	Phouvone	Vilaphone	Ô tô K13	20	25	20	20	5	90	XS
43	LA13DH0017	Ongphet	Yotbounmy	Ô tô K13	20	20	20	20	5	85	Tốt
44	CQ13DH0329	Nguyễn Tuấn	Anh	Ô tô K13	20	15	20	20	2	77	Khá
45	CQ13DH0310	Nguyễn Văn	Bách	Ô tô K13	20	25	20	20	2	87	Tốt
46	CQ13DH0432	Võ Vinh	Giang	Ô tô K13	19	5	20	20	0	64	TB
47	CQ13DH0181	Nguyễn Tuấn	Hiền	Ô tô K13	20	20	20	20	0	80	Tốt
48	CQ13DH0182	Nguyễn Văn	Kiên	Ô tô K13	20	15	20	25	0	80	Tốt
49	CQ13DH0453	Tạ Văn	Phải	Ô tô K13	20	15	20	25	2	82	Tốt
50	CQ13DH0271	Trần Gia	Phong	Ô tô K13	20	25	20	20	0	85	Tốt
51	CQ13DH0377	Phạm Văn	Phú	Ô tô K13	18	15	25	20	0	78	Khá
52	CQ13DH0183	Phạm Duy	Thắng	Ô tô K13	20	10	20	20	10	80	Tốt
53	CQ13DH0442	Vũ Minh	Đức	CĐTK K13	20	25	20	20	10	95	XS
54	CQ13DH0256	Dương Thanh	Huy	CĐTK K13	20	20	25	20	1	86	Tốt
55	CQ13DH0267	Nguyễn Minh	Thắng	CĐTK K13	20	20	20	20	2	82	Tốt
56	CQ13DH0322	Đỗ Hoàng	Việt	CĐTK K13	20	25	20	20	2	87	Tốt
57	CQ12DH0091	Nguyễn Tiến	Đạt	ĐHTK rắn K12	20	25	20	20	10	95	XS
58	CQ12DH0090	Vũ Ngọc	Huyền	ĐHTK rắn K12	20	20	25	20	2	87	Tốt
59	CQ12DH0089	Dương Thị Hồng	Ngọc	ĐHTK rắn K12	20	25	20	20	2	87	Tốt
60	CQ12DH0088	Đồng Minh	Quang	ĐHTK rắn K12	20	15	20	20	2	77	Khá
61	LTCQ14DH09	Lê Xuân	Thái	LT ô tô K14	18	6	20	20	0	64	TB
62	LTCQVB214DH	Huỳnh Thị	Hoa	VB2CĐ - TK K14	20	20	20	20	20	85	Tốt
63	CQ14DH0217	Nguyễn Thanh	Bình	Cơ khí ô tô K14	18	25	20	25	2	90	XS
64	CQ14DH0109	Nguyễn Việt	Dũng	Cơ khí ô tô K14	17	25	20	25	0	87	Tốt
65	CQ14DH0154	Chu Hoàng	Dương	Cơ khí ô tô K14	15	25	18	25	0	83	Tốt
66	CQ14DH0093	Lê Bình	Dương	Cơ khí ô tô K14	15	23	18	25	0	81	Tốt
67	CQ14DH0020	Nguyễn Thiên	Dương	Cơ khí ô tô K14	15	25	18	25	0	83	Tốt
68	CQ14DH0121	Đinh Văn	Đạt	Cơ khí ô tô K14	16	25	18	25	2	86	Tốt
69	CQ14DH0110	Trần Quang	Đạt	Cơ khí ô tô K14	16	25	18	25	0	84	Tốt
70	CQ14DH0054	Đỗ Thượng	Đinh	Cơ khí ô tô K14	17	25	18	25	0	85	Tốt
71	CQ14DH0055	Trịnh Đức	Đông	Cơ khí ô tô K14	16	25	18	25	0	84	Tốt
72	CQ14DH0097	Ngô Bá	Đức	Cơ khí ô tô K14	16	23	18	25	0	82	Tốt
73	CQ14DH0167	Trần Mạnh	Hiếu	Cơ khí ô tô K14	16	25	18	25	0	84	Tốt
74	CQ14DH0037	Trịnh Quốc	Hùng	Cơ khí ô tô K14	17	23	18	25	0	83	Tốt
75	CQ14DH0219	Hoàng Duy	Khánh	Cơ khí ô tô K14	16	25	20	25	0	86	Tốt
76	CQ14DH0131	Trần Trung	Kiên	Cơ khí ô tô K14	17	25	18	25	0	85	Tốt
77	CQ14DH0026	Nguyễn	Nam	Cơ khí ô tô K14	16	25	18	25	0	84	Tốt
78	CQ14DH0254	Cao Văn	Nghị	Cơ khí ô tô K14	16	23	18	25	0	82	Tốt
79	CQ14DH0239	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Cơ khí ô tô K14	16	25	20	25	0	86	Tốt
80	CQ14DH0138	Nguyễn Huy	Phúc	Cơ khí ô tô K14	16	25	18	25	0	84	Tốt
81	CQ14DH0013	Nguyễn Ngọc	Quảng	Cơ khí ô tô K14	16	23	20	25	2	86	Tốt
82	CQ14DH0005	Nguyễn Duy	Quân	Cơ khí ô tô K14	16	25	18	25	2	86	Tốt
83	CQ14DH0017	Phạm Dương	Son	Cơ khí ô tô K14	18	25	20	25	2	90	XS
84	CQ14DH0250	Vi Ngọc	Son	Cơ khí ô tô K14	17	23	18	25	0	83	Tốt

TT.	Mã SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
85	CQ14DH0277	Lương Ngọc	Tân	Cơ khí ô tô K14	16	25	18	25	0	84	Tốt
86	CQ14DH0156	Bùi Quang	Thắng	Cơ khí ô tô K14	15	23	18	25	0	81	Tốt
87	CQ14DH0004	Nguyễn Vĩnh	Thắng	Cơ khí ô tô K14	16	23	18	25	0	82	Tốt
88	CQ14DH0100	Lê Phước	Thịnh	Cơ khí ô tô K14	15	25	18	25	0	83	Tốt
89	CQ14DH0231	Lê Đức	Thuận	Cơ khí ô tô K14	16	6	18	22	0	62	TB
90	CQ14DH0255	Phạm Văn	Tiến	Cơ khí ô tô K14	17	23	18	25	0	83	Tốt
91	CQ14DH0155	Nguyễn Văn	Toàn	Cơ khí ô tô K14	15	25	18	25	0	83	Tốt
92	CQ14DH0162	Nguyễn Văn	Trung	Cơ khí ô tô K14	15	25	18	25	0	83	Tốt
93	CQ14DH0218	Nguyễn Đình	Trường	Cơ khí ô tô K14	17	23	18	25	0	83	Tốt
94	CQ14DH0157	Nguyễn Anh	Tú	Cơ khí ô tô K14	18	23	18	25	0	84	Tốt
95	CQ14DH0249	Nguyễn Văn	Tùng	Cơ khí ô tô K14	16	23	18	25	0	82	Tốt
96	CQ14DH0247	Vũ Văn	Tuyên	Cơ khí ô tô K14	17	23	18	25	0	83	Tốt
97	CQ14DH0248	Phạm Văn	Vinh	Cơ khí ô tô K14	15	15	18	25	0	73	Khá
98	CQ14DH0268	Nguyễn Hoàng	Vũ	Cơ khí ô tô K14	19	25	20	25	2	91	XS
99	LA14DH0034	Maleevone	Fong	Cơ khí ô tô K14	18	25	18	25	0	86	Tốt
100	CQ14DH0134	Nguyễn Xuân	Thắng	Cơ khí ô tô K14	16	25	18	25	0	84	Tốt
101	CQ12DH0096	Đình Công	Duy	CNPM K12	14	23	18	22	4	81	Tốt
102	CQ12DH0058	Cao Tiến	Đạt	CNPM K12	19	25	20	24	5	93	XS
103	CQ12DH0060	Vũ Đình	Hải	CNPM K12	14	23	20	22	4	83	Tốt
104	CQ12DH0098	Phạm Văn	Hiệp	CNPM K12	17	23	19	23	4	86	Tốt
105	CQ12DH0125	Nguyễn Như Huy	Hoàng	CNPM K12	18	24	18	23	4	87	Tốt
106	CQ12DH0145	Nguyễn Thành	Luân	CNPM K12	17	24	19	21	4	85	Tốt
107	CQ12DH0093	Hoàng Tiêu	Phong	CNPM K12	19	24	20	23	5	91	XS
108	CQ12DH0119	Vũ Duy	Phong	CNPM K12	18	24	20	23	4	89	Tốt
109	LA12DH0030	Xamthong	Maevankham	CNPM K12	17	24	20	23	4	88	Tốt
110	LA12DH0012	Vilavanh	Somsouly	CNPM K12	18	24	20	23	4	89	Tốt
111	CQ12DH0092	Trần Huy	Bằng	MMT K12	17	24	20	23	4	88	Tốt
112	CQ12DH0097	Đình Hoàng	Hung	MMT K12	17	24	20	23	4	88	Tốt
113	CQ12DH0094	Đoàn Văn	Khuê	MMT K12	15	24	19	23	4	85	Tốt
114	CQ12DH0142	Đỗ Văn	Tài	MMT K12	19	24	20	23	8	94	XS
115	CQ12DH0095	Vũ Minh	Thắng	MMT K12	12	21	18	22	3	76	Khá
116	CQ13DH0364	Hoàng Văn	Chinh	CNPM K13	17	24	19	23	4	87	Tốt
117	CQ13DH0088	Lê Tiến	Đạt	CNPM K13	18	24	19	24	7	92	XS
118	CQ13DH0429	Chu Tiến	Đoàn	CNPM K13	19	22	19	23	4	87	Tốt
119	CQ13DH0072	Trương Thành	Lộc	CNPM K13	17	24	19	23	4	87	Tốt
120	CQ13DH0091	Vũ Đức	Thắng	CNPM K13	18	24	19	24	5	90	XS
121	CQ13DH0084	Vũ Văn	Trung	CNPM K13	18	25	20	24	8	95	XS
122	CQ13DH0370	Đình Quang	Tuấn	CNPM K13	17	24	19	23	4	87	Tốt
123	CQ13DH0323	Bùi Huy	Việt	CNPM K13	18	24	19	23	5	89	Tốt
124	LA13DH0015	Bang	Phonevilay	CNPM K13	17	24	19	23	4	87	Tốt
125	LA13DH0014	Vanxay	Vangchuemoua	CNPM K13	18	24	19	23	4	88	Tốt
126	CQ14DH0041	Nguyễn Thanh	Bình	MMT K14	18	25	20	20	7	90	XS
127	CQ14DH0274	Hoàng Minh	Chiến	CNPM K14	20	15	17	20	5	77	Khá
128	CQ14DH0148	Nguyễn Hồng	Dương	CNPM K14	20	15	17	20	5	77	Khá

TT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
129	CQ14DH0083	Phạm Hoàng	Huy	MMT K14	18	25	17	20	5	85	Tốt
130	CQ14DH0279	Nguyễn Quang	Khải	CNPM K14	20	25	20	20	5	90	XS
131	CQ14DH0267	Nguyễn Văn	Luân	CNPM K14	20	25	17	20	5	87	Tốt
132	CQ14DH0001	Trần Thu	Nga	CNPM K14	20	25	18	20	7	90	XS
133	CQ14DH0275	Hà Hồng	Nhân	CNPM K14	20	25	17	20	5	87	Tốt
134	CQ14DH0306	Hoàng Văn	Thạch	CNPM K14	20	25	20	20	5	90	XS
135	CQ14DH0223	Bùi Duy	Thắng	MMT K14	20	25	17	20	5	87	Tốt
136	CQ14DH0303	Chu Sỹ	Toàn	CNPM K14	20	15	17	20	5	77	Khá
137	CQ14DH0032	Vũ Văn	Trung	CNPM K14	18	25	20	20	7	90	XS
138	CQ14DH0175	Bùi Duy	Khánh	CNPM K14	0	0	0	0	0	0	Kém
139	CQ14DH0323	Nguyễn Văn	Trúc	CNPM K14	0	0	0	0	0	0	Kém
140	CQ14DH0124	Nguyễn Trung	Kiên	MMT K14	18	25	17	20	5	85	Tốt
141	CQ14DH0176	Phan Thị Khánh	Linh	MMT K14	20	25	18	20	7	90	XS
142	CQ14DH0120	Nguyễn Trương Tiến	Phát	MMT K14	18	25	17	20	5	85	Tốt
143	CQ14DH0132	Đỗ Minh	Trường	MMT K14	20	25	17	20	5	87	Tốt
144	CQ14DH0122	Lâm Thanh	Tuấn	MMT K14	20	25	17	20	5	87	Tốt
145	CQ14DH0233	Nguyễn Trần	Vũ	MMT K14	20	25	17	20	5	87	Tốt
146	CQ14DH0222	Dương Thế	Vũ	MMT K14	20	25	17	20	5	87	Tốt
147	LA14DH0001	Soulideth	Chang	MMT K14	19	25	17	20	5	86	Tốt
148	LA14DH0016	Phommady	Chilasack	MMT K14	15	25	17	20	5	82	Tốt
149	LA14DH0002	Mittaphab	Douangchamnpa	MMT K14	19	25	17	20	5	86	Tốt
150	LA14DH0003	Seng	Hervaxeng	MMT K14	19	25	17	20	5	86	Tốt
151	LA14DH0004	Anousith	Keoking	MMT K14	19	25	17	20	5	86	Tốt
152	LA14DH0011	Xaiyalard	Khampranisong	MMT K14	19	25	17	20	5	86	Tốt
153	LA14DH0012	Phonepadith	Phandala	MMT K14	15	25	17	20	5	82	Tốt
154	LA14DH0008	Chansavath	Phonthachack	MMT K14	19	25	17	20	5	86	Tốt
155	LA14DH0009	Bounchan	Souksitthi	MMT K14	15	25	17	20	5	82	Tốt
156	LA14DH0010	Sinthana	Thammavong	MMT K14	19	25	17	20	5	86	Tốt
157	CQ15DH0181	Nguyễn Phúc	Anh	CNPM K15	19	20	17	23	5	84	Tốt
158	CQ15DH0272	Phạm Quốc	Cường	CNPM K15	20	25	20	20	5	90	XS
159	CQ15DH0164	Sầm Khánh	Duy	CNPM K15	20	24	19	19	10	92	XS
160	CQ15DH0179	Phạm Hải	Đăng	CNPM K15	17	25	20	25	5	92	XS
161	CQ15DH0182	Hoàng Văn	Đức	CNPM K15	20	24	18	25	5	92	XS
162	CQ15DH0165	Lý Quang	Hiệp	CNPM K15	20	24	18	24	5	91	XS
163	CQ15DH0277	Đỗ Trung	Hiếu	CNPM K15	19	25	20	25	10	99	XS
164	CQ15DH0166	Nguyễn Minh	Hiếu	CNPM K15	20	25	20	24	5	94	XS
165	CQ15DH0167	Đinh Thu	Hoài	CNPM K15	17	23	18	20	3	81	Tốt
166	CQ15DH0039	Nguyễn Huy	Hoàng	CNPM K15	20	23	19	25	5	92	XS
167	CQ15DH0276	Nguyễn Thị Hồng	Huế	CNPM K15	20	25	19	24	5	93	XS
168	CQ15DH0010	Đỗ Mạnh	Hùng	CNPM K15	20	25	17	25	5	92	XS
169	CQ15DH0178	Đinh Quang	Hữu	CNPM K15	20	25	20	23	5	93	XS
170	CQ15DH0168	Hoàng Trung	Kiên	CNPM K15	20	25	18	23	5	91	XS
171	CQ15DH0180	Nguyễn Vũ Vương	Long	CNPM K15	20	25	19	24	5	93	XS
172	CQ15DH0171	Nguyễn Sơn	Nam	CNPM K15	19	24	19	25	5	92	XS

TT.	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
173	CQ15DH0172	Vũ Đại	Phong	CNPM K15	20	23	19	23	5	90	XS
174	CQ15DH0183	Lại Đức	Thành	CNPM K15	20	23	20	23	5	91	XS
175	CQ15DH0184	Trần Trọng Duy	Thành	CNPM K15	19	24	20	23	5	91	XS
176	CQ15DH0185	Đỗ Thanh	Thào	CNPM K15	20	25	20	25	5	95	XS
177	CQ15DH0270	Trần Văn	Thắng	CNPM K15	20	23	20	24	5	92	XS
178	CQ15DH0173	Vũ Hữu	Thắng	CNPM K15	20	23	20	23	5	91	XS
179	CQ15DH0271	Phùng Văn	Tiến	CNPM K15	20	25	20	23	5	93	XS
180	CQ15DH0174	Phạm Huyền	Trang	CNPM K15	20	25	20	25	10	100	XS
181	CQ15DH0175	Trịnh Xuân	Trung	CNPM K15	20	24	20	24	10	98	XS
182	CQ15DH0176	Phạm Quang	Trường	CNPM K15	20	25	19	23	5	92	XS
183	CQ15DH0177	Đoàn Đỗ Duy	Tùng	CNPM K15	20	23	20	24	10	97	XS
184	CQ15DH0263	Cao Văn	Việt	CNPM K15	0	0	0	0	0	0	KĐG
185	CQ15DH0084	Nguyễn Quốc	Việt	CNPM K15	20	25	20	25	5	95	XS
186	LA15DH0013	Xuendavanh	Ansee	CNPM K15	20	25	20	25	5	95	XS
187	LA15DH0030	Thoumvilay	Keo	CNPM K15	20	25	20	25	5	95	XS
188	LA15DH0007	Mounthinhai	Nilakone	CNPM K15	20	25	20	25	5	95	XS
189	LA15DH0021	Xayavong	Outhai	CNPM K15	20	25	20	25	5	95	XS
190	LA15DH0017	Chanfong	Phetsakhone	CNPM K15	20	25	20	25	5	95	XS
191	LA15DH0011	Phanthavong	Photchama	CNPM K15	20	25	20	25	5	95	XS
192	LA15DH0005	Panyasai	Saieko	CNPM K15	20	25	20	25	5	95	XS
193	LA15DH0024	Phanthavong	Soulita	CNPM K15	20	25	20	25	5	95	XS
194	LA15DH0016	Khanthida	Vongvaen	CNPM K15	20	25	20	25	5	95	XS
195	CQ14DH0261	Trần Đức	Anh	KTĐ14	20	20	20	20	3	83	Tốt
196	CQ14DH0115	Trần Thùy	Anh	KTĐ14	20	25	20	25	5	95	XS
197	CQ14DH0127	Đinh Hữu	Bàng	KTĐ14	20	25	20	25	2	92	XS
198	CQ14DH0012	Nguyễn Văn	Chiến	KTĐ14	20	25	20	25	2	92	XS
199	CQ14DH0296	Đinh Văn	Chung	KTĐ14	15	13	20	10	2	60	TB
200	CQ14DH0079	Lê Việt	Cường	KTĐ14	20	20	20	25	2	87	Tốt
201	CQ14DH0038	Nguyễn Mạnh	Cường	KTĐ14	20	20	20	25	2	87	Tốt
202	CQ14DH0104	Bùi Văn	Cường	KTĐ14	20	25	20	20	5	90	XS
203	CQ14DH0008	Nguyễn Tiến	Dũng	KTĐ14	13	15	10	20	2	60	TB
204	CQ14DH0324	Hoàng Việt	Dũng	KTĐ14	20	25	20	25	2	92	XS
205	CQ14DH0184	Nguyễn Tiến	Đạt	KTĐ14	20	20	20	20	2	82	Tốt
206	CQ14DH0313	Phạm Quốc	Hải	KTĐ14	20	20	20	20	0	80	Tốt
207	CQ14DH0006	Trần Thiên	Hoàng	KTĐ14	20	25	20	25	5	95	XS
208	CQ14DH0241	Nguyễn Thái	Hoàng	KTĐ14	20	25	20	20	5	90	XS
209	CQ14DH0044	Phạm Quốc	Khánh	KTĐ14	20	25	20	25	2	92	XS
210	CQ14DH0116	Nguyễn Khắc	Kiên	KTĐ14	20	20	20	20	2	82	Tốt
211	CQ14DH0310	Bùi Văn	Lâm	KTĐ14	20	25	20	20	2	87	Tốt
212	CQ14DH0320	Đàm Tùng	Lâm	KTĐ14	15	13	20	10	2	60	TB
213	CQ14DH0030	Nguyễn Ngọc	Lân	KTĐ14	20	25	20	20	2	87	Tốt
214	CQ14DH0258	Bùi Hoàng	Long	KTĐ14	20	25	20	20	2	87	Tốt
215	CQ14DH0228	Nguyễn Đức	Mạnh	KTĐ14	20	25	20	20	2	87	Tốt
216	CQ14DH0021	Nguyễn Duy	Mạnh	KTĐ14	20	10	20	20	2	72	Khá

TT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
217	CQ14DH0135	Nguyễn Công	Minh	KTĐ14	20	20	20	20	2	82	Tốt
218	CQ14DH0143	Lê Thị	Nga	KTĐ14	20	25	20	25	5	95	XS
219	CQ14DH0244	Nịnh Văn	Phúc	KTĐ14	20	20	25	20	5	90	XS
220	CQ14DH0028	Nguyễn Anh	Phuong	KTĐ14	20	15	20	20	2	77	Khá
221	CQ14DH0294	Đỗ Mạnh	Quân	KTĐ14	20	25	20	20	5	90	XS
222	CQ14DH0080	Nguyễn Đình	Quyết	KTĐ14	20	20	20	20	5	85	Tốt
223	CQ14DH0103	Bùi Công	Sứ	KTĐ14	20	22	20	20	5	87	Tốt
224	CQ14DH0082	Vũ Đức	Tâm	KTĐ14	20	15	20	20	0	75	Khá
225	CQ14DH0181	Nguyễn Tuấn	Thành	KTĐ14	20	22	20	20	2	84	Tốt
226	CQ14DH0098	Nguyễn Văn	Toàn	KTĐ14	20	13	20	13	2	68	Khá
227	CQ14DH0057	Đỗ Quang	Trung	KTĐ14	20	25	25	20	2	92	XS
228	CQ14DH0178	Nguyễn Thành	Trung	KTĐ14	20	15	20	20	0	75	Khá
229	CQ14DH0119	Trịnh Thành	Trung	KTĐ14	25	20	20	20	2	87	Tốt
230	CQ14DH0147	Trần Xuân	Trường	KTĐ14	20	13	20	13	2	68	Khá
231	CQ14DH0168	Đồng Xuân	Trường	KTĐ14	20	25	20	20	5	90	XS
232	CQ14DH0201	Nguyễn Văn	Tuấn	KTĐ14	20	20	20	25	2	87	Tốt
233	CQ14DH0123	Lê Minh	Tuấn	KTĐ14	20	25	20	20	2	87	Tốt
234	CQ14DH0204	Bùi Thanh	Tuyền	KTĐ14	20	20	20	20	5	85	Tốt
235	LA14DH0021	Neuk	Kongmany	KTĐ14	20	25	20	20	2	87	Tốt
236	LA14DH0019	Chong	Lao	KTĐ14	20	25	20	20	3	88	Tốt
237	LA14DH0022	Porchoua Huexeng	Nengvalao	KTĐ14	25	20	20	25	2	92	XS
238	LA14DH0027	Xaisavang	Thammavong	KTĐ14	20	20	20	20	5	85	Tốt
239	LA14DH0023	Thipsavanh	Xaiyalat	KTĐ14	20	25	20	20	2	87	Tốt
240	CQ14DH0173	Vũ Hải	Son	KTĐ14							KĐG
241	CQ14DH0220	Nguyễn Quốc Duy	Anh	KTĐ14							KĐG
242	CQ13DH0231	Lê Thanh	Bách	CNĐL K13	20	23	20	22	8	93	XS
243	CQ13DH0058	Đặng Minh	Hiếu	CNĐL K13	20	22	20	22	6	90	XS
244	CQ13DH0251	Tô Tiến	Hiếu	CNĐL K13	20	23	20	22	8	93	XS
245	CQ13DH0233	Trần Việt	Hoàng	CNĐL K13	20	20	20	22	5	87	Tốt
246	CQ13DH0273	Lê Trọng	Tú	CNĐL K13	20	22	20	22	6	90	XS
247	CQ13DH0327	Trần Trọng	Nghĩa	CĐM K13	19	23	19	22	5	88	Tốt
248	CQ13DH0277	Nguyễn Văn Hải	Ninh	CĐM K13	19	22	19	20	5	85	Tốt
249	CQ13DH0279	Hoàng Đức	Toàn	CĐM K13	19	24	20	19	3	85	Tốt
250	CQ14DH0090	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	CN CĐM K14	20	24	20	22	8	94	XS
251	CQ14DH0033	Nguyễn Hữu	Chung	CN CĐM K14	19	23	19	22	5	88	Tốt
252	CQ14DH0102	Nguyễn Thái	Dương	CN CĐM K14	19	23	20	22	6	90	XS
253	CQ14DH0016	Đặng Trung	Hậu	CN CĐM K14	19	23	20	22	8	92	XS
254	CQ14DH0170	Nguyễn Hải	Hậu	CN CĐM K14	19	23	20	22	5	89	Tốt
255	CQ14DH0195	Đào Văn	Linh	CN CĐM K14	18	15	20	22	4	79	Khá
256	CQ14DH0081	Bùi Đức	Mạnh	CN CĐM K14	20	23	20	22	5	90	XS
257	CQ14DH0101	Ngô Minh	Nhật	CN CĐM K14	20	23	20	22	5	90	XS
258	CQ14DH0232	Vũ Trọng	Quý	CN CĐM K14	18	22	20	22	5	87	Tốt
259	CQ14DH0200	Nguyễn Văn	An	CN Điện lạnh K14	20	23	20	22	5	90	XS
260	CQ14DH0061	Lê Văn	Son	CN Điện lạnh K14	19	21	20	22	5	87	Tốt

TT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
261	CQ14DH0007	Vũ Văn	Trọng	Điện lạnh K14	18	6	20	20	0	64	TB
262	CQ14DH0036	Nguyễn Văn	Trương	Điện lạnh K14	18	22	20	22	5	87	Tốt
263	CQ14DH0094	Đỗ Văn	Vĩnh	Điện lạnh K14	17	23	20	22	5	87	Tốt
264	CQ14DH0019	Đỗ Thái	Anh	Điện tử K14	18	23	20	24	5	90	XS
265	CQ14DH0325	Nguyễn Tiến	Dũng	Điện tử K14	17	5	20	20	0	62	TB
266	CQ14DH0146	Nguyễn Văn	Đức	Điện tử K14	20	22	20	22	5	89	Tốt
267	CQ14DH0140	Phạm Quang	Được	Điện tử K14	19	22	20	22	7	90	XS
268	CQ14DH0273	Vũ Văn	Chiến	Điện tử K14	17	15	20	23	0	75	Khá
269	CQ14DH0257	Đoàn Việt	Hung	Điện tử K14	18	23	20	22	5	88	Tốt
270	CQ14DH0252	Đinh Văn	Long	Điện tử K14	20	23	20	23	8	94	XS
271	CQ14DH0046	Nguyễn Việt	Phong	Điện tử K14	20	23	20	22	5	90	XS
272	CQ14DH0253	Đinh Đức	Thái	Điện tử K14	20	23	20	22	5	90	XS
273	CQ14DH0316	Phạm Anh	Thịnh	Điện tử K14	17	21	20	25	4	87	Tốt
274	CQ12DH0129	Nguyễn Tuấn	Anh	Điện lạnh K12	15	15	15	15	0	60	TB
275	CQ12DH0006	Vương Minh	Chiến	Điện lạnh K12	19	23	20	24	5	91	XS
276	CQ12DH0004	Phùng Tiến	Công	Điện lạnh K12	18	25	20	22	3	88	Tốt
277	CQ12DH0001	Nịnh Văn	Hiếu	Điện lạnh K12	19	24	20	24	5	92	XS
278	CQ12DH0124	Phạm Đức	Nhật	Điện lạnh K12	15	23	18	24	3	83	Tốt
279	CQ12DH0114	Lương Khánh	Toan	Điện lạnh K12	20	23	18	22	4	87	Tốt
280	CQ12DH0019	Nguyễn Việt	Anh	Kỹ thuật Điện K12	20	22	20	22	9	93	XS
281	CQ12DH0028	Phạm Thành	Công	Kỹ thuật Điện K12	18	24	20	24	8	94	XS
282	CQ12DH0122	Trần Nhật	Công	Kỹ thuật Điện K12	20	24	20	25	8	97	XS
283	CQ12DH0138	Mạc Anh	Dũng	Kỹ thuật Điện K12	15	20	15	20	2	72	Khá
284	CQ12DH0033	Đặng Thành	Đạt	Kỹ thuật Điện K12	15	18	18	20	2	73	Khá
285	CQ12DH0152	Lê Văn	Đạt	Kỹ thuật Điện K12	18	22	20	24	5	89	Tốt
286	CQ12DH0025	Vũ Cường	Đồng	Kỹ thuật Điện K12	20	25	20	24	6	95	XS
287	CQ12DH0029	Cao Tích	Đức	Kỹ thuật Điện K12	20	24	19	24	3	90	XS
288	CQ12DH0023	Đào Mạc	Đức	Kỹ thuật Điện K12	20	23	20	23	3	89	Tốt
289	CQ12DH0024	Tô Quảng	Đức	Kỹ thuật Điện K12	19	24	20	25	3	91	XS
290	CQ12DH0020	Đỗ Nguyên	Giáp	Kỹ thuật Điện K12	17	10	20	17	0	64	TB
291	CQ12DH0132	Phạm Văn	Hải	Kỹ thuật Điện K12	20	22	20	23	8	93	XS
292	CQ12DH0022	Vũ Thế	Hậu	Kỹ thuật Điện K12	13	15	15	20	0	63	TB
293	CQ12DH0021	Nguyễn Đức	Luận	Kỹ thuật Điện K12	20	23	20	23	3	89	Tốt
294	CQ12DH0030	Bùi Tổ	Minh	Kỹ thuật Điện K12	13	13	15	20	0	61	TB
295	CQ12DH0031	Hồ Vũ	Quỳnh	Kỹ thuật Điện K12	18	22	20	22	7	89	Tốt
296	CQ12DH0032	Đinh Văn	Thái	Kỹ thuật Điện K12	18	20	18	22	3	81	Tốt
297	CQ12DH0003	Nguyễn Thanh	Tùng	Kỹ thuật Điện K12	18	23	18	20	1	80	Tốt
298	CQ12DH0026	Nguyễn Quang	Vinh	Kỹ thuật Điện K12	20	22	20	24	5	91	XS
299	LA12DH0002	Khamphet	Chanthapha	Kỹ thuật Điện K12	18	20	20	23	0	81	Tốt
300	LA12DH0004	Anousone	Inteum	Kỹ thuật Điện K12	18	20	20	22	0	80	Tốt
301	LA12DH0005	Somsavanh	Keovanxay	Kỹ thuật Điện K12	18	23	18	22	3	84	Tốt
302	LA12DH0008	Xinnavath	Khamsing	Kỹ thuật Điện K12	20	24	20	22	7	93	XS
303	LA12DH0031	Khampheua	Nammavong	Kỹ thuật Điện K12	17	23	18	22	2	82	Tốt
304	LA12DH0011	Vilaphon	Saryavoud	Kỹ thuật Điện K12	18	20	20	24	3	85	Tốt

TT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
305	LA12DH0007	Xeme	Senechonghak	Kỹ thuật Điện K12	20	22	20	23	8	93	XS
306	LA12DH0010	Thanousack	Vilaxay	Kỹ thuật Điện K12	18	20	18	23	3	82	Tốt
307	LA12DH0009	Visouk	Xainyadetyar	Kỹ thuật Điện K12	20	23	20	23	5	91	XS
308	LA12DH0003	Phonethip	Xayasone	Kỹ thuật Điện K12	20	25	20	25	5	95	XS
309	LA12DH0006	Souliya	Xuendavanh	Kỹ thuật Điện K12	20	20	18	22	3	83	Tốt
310	LA12DH0029	Maisao	Yongsompheng	Kỹ thuật Điện K12	19	22	18	24	3	86	Tốt
311	CQ12DH0037	Nguyễn Tuấn	Anh	Kỹ thuật Điện tử K12	13	20	18	22	0	73	Khá
312	CQ12DH0111	Lê Phúc Thành	Đạt	Kỹ thuật Điện tử K12	17	23	18	22	5	85	Tốt
313	CQ12DH0084	Bùi Ngọc	Thạch	Kỹ thuật Điện tử K12	15	15	15	15	0	60	TB
314	CQ12DH0036	Nguyễn Văn	Thắng	Kỹ thuật Điện tử K12	20	22	19	23	6	90	XS
315	LTCQ14DH02	Hoàng Trọng	Đạt	LTCQ KTĐ K14	18	22	20	22	0	82	Tốt
316	LTCQ14DH03	Phan Ngọc	Đức	LTCQ KTĐ K14	20	23	20	22	0	85	Tốt
317	LTCQ14DH05	Cao Văn	Hùng	LTCQ KTĐ K14	18	20	20	22	0	80	Tốt
318	LTCQ14DH07	Dương Văn	Lâm	LTCQ KTĐ K14							KĐG
319	LTCQ14DH010	Bùi Trọng	Thành	LTCQ KTĐ K14							KĐG
320	LTCQ14DH013	Phạm Văn	Vân	LTCQ KTĐ K14	17	25	20	20	3	85	Tốt
321	CQ12DH0117	Đặng Minh	Chiến	TĐH K12	20	23	20	22	10	95	XS
322	CQ12DH0040	Vũ Mạnh	Cương	TĐH K12	20	25	20	22	10	97	XS
323	CQ12DH0038	Trịnh Đức	Đại	TĐH K12	19	15	20	22	0	76	Khá
324	CQ12DH0143	Lê Duy	Điền	TĐH K12	19	23	20	22	7	91	XS
325	CQ12DH0052	Đặng Văn	Hiếu	TĐH K12	19	23	19	22	5	88	Tốt
326	CQ12DH0041	Hà Ngọc	Hiếu	TĐH K12	20	23	20	22	10	95	XS
327	CQ12DH0044	Nguyễn Minh	Hiếu	TĐH K12	19	23	19	22	5	88	Tốt
328	CQ12DH0042	Nguyễn Huy	Hoàng	TĐH K12	18	15	19	20	0	72	Khá
329	CQ12DH0054	Nguyễn Lê	Hoàng	TĐH K12	19	23	20	22	5	89	Tốt
330	CQ12DH0121	Nguyễn Tuấn	Huy	TĐH K12	19	23	19	22	5	88	Tốt
331	CQ12DH0057	Vũ Quang	Hung	TĐH K12	19	23	19	22	5	88	Tốt
332	CQ12DH0056	Bùi Xuân	Khánh	TĐH K12	19	15	20	22	0	76	Khá
333	CQ12DH0034	Trương Tuấn	Kiệt	TĐH K12	19	24	20	22	6	91	XS
334	CQ12DH0154	Phạm Công	Minh	TĐH K12	19	24	20	22	7	92	XS
335	CQ12DH0048	Phan Văn	Minh	TĐH K12	19	20	19	22	5	85	Tốt
336	CQ12DH0139	Vũ Văn	Sang	TĐH K12	19	23	20	22	6	90	XS
337	CQ12DH0050	Nguyễn Đức	Thành	TĐH K12	19	23	19	22	5	88	Tốt
338	CQ12DH0053	Phạm Thân	Thương	TĐH K12	20	24	20	22	10	96	XS
339	CQ12DH0043	Phạm Ngọc	Tuân	TĐH K12	15	20	19	20	7	81	Tốt
340	CQ13DH0435	Nguyễn Thành	An	CN TĐH K13	17	17	19	20	3	76	Khá
341	CQ13DH0192	Nguyễn Tuấn	Anh	CN TĐH K13	20	23	20	23	4	90	XS
342	CQ13DH0196	Phạm Tuấn	Anh	CN TĐH K13	17	20	20	23	0	80	Tốt
343	CQ13DH0198	Trần Việt	Anh	CN TĐH K13	17	18	20	22	8	85	Tốt
344	CQ13DH0199	Đoàn Tuấn	Anh	CN TĐH K13	20	24	20	24	7	95	XS
345	CQ13DH0204	Vũ Tuấn	Anh	CN TĐH K13	18	21	20	20	0	79	Khá
346	CQ13DH0208	Nguyễn Minh	Anh	CN TĐH K13	18	21	20	24	5	88	Tốt
347	CQ13DH0464	Nguyễn Văn	Ca	CN TĐH K13	16	21	20	22	0	79	Khá
348	CQ13DH0418	Trần Ngọc	Điệp	CN TĐH K13	13	18	19	21	0	71	Khá

TT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
349	CQ13DH0242	Hoàng Đức	Dự	CN TĐH K13	14	21	18	22	0	75	Khá
350	CQ13DH0219	Bùi Duy	Đức	CN TĐH K13	18	21	20	23	0	82	Tốt
351	CQ13DH0422	Trần Tiến	Đức	CN TĐH K13	16	20	19	22	3	80	Tốt
352	CQ13DH0298	Phạm Tiến	Dũng	CN TĐH K13	13	19	19	22	0	73	Khá
353	CQ13DH0305	Nguyễn Thị Hải	Hà	CN TĐH K13	12	10	18	22	0	62	TB
354	CQ13DH0224	Bùi Đức	Hiếu	CN TĐH K13	14	21	10	20	0	65	Khá
355	CQ13DH0402	Nguyễn Văn	Hòa	CN TĐH K13	20	22	20	23	6	91	XS
356	CQ13DH0301	Bùi Văn	Hoàn	CN TĐH K13	16	21	20	22	1	80	Tốt
357	CQ13DH0189	Lê Việt	Hoàng	CN TĐH K13	20	22	20	25	4	91	XS
358	CQ13DH0235	Nguyễn Kim Việt	Hoàng	CN TĐH K13	16	22	20	23	2	83	Tốt
359	CQ13DH0188	Trần Quốc	Hùng	CN TĐH K13	20	22	20	22	3	87	Tốt
360	CQ13DH0190	Bùi Văn	Huy	CN TĐH K13	19	20	20	25	2	86	Tốt
361	CQ13DH0226	Lê Bảo	Khang	CN TĐH K13	20	22	20	22	6	90	XS
362	CQ13DH0168	Nguyễn Chí	Lâm	CN TĐH K13	13	20	20	21	0	74	Khá
363	CQ13DH0423	Cao Vũ	Lâm	CN TĐH K13	19	23	20	24	6	92	XS
364	CQ13DH0205	Đình Thành	Lập	CN TĐH K13	16	15	20	24	3	78	Khá
365	CQ13DH0319	Lương Khánh	Linh	CN TĐH K13	20	22	20	22	8	92	XS
366	CQ13DH0194	Nguyễn Văn	Lộc	CN TĐH K13	19	23	20	24	0	86	Tốt
367	CQ13DH0331	Nguyễn Tiến	Mạnh	CN TĐH K13	17	23	20	23	0	83	Tốt
368	CQ13DH0206	Nguyễn Đức	Minh	CN TĐH K13	17	22	20	23	3	85	Tốt
369	CQ13DH0203	Nguyễn Trọng	Nghĩa	CN TĐH K13	13	20	18	19	0	70	Khá
370	CQ13DH0441	Bùi Hùng	Quân	CN TĐH K13	17	20	19	20	0	76	Khá
371	CQ13DH0304	Phạm Ngọc	Son	CN TĐH K13	17	22	18	21	1	79	Khá
372	CQ13DH0339	Nguyễn Quyết	Tiến	CN TĐH K13	16	18	18	21	0	73	Khá
373	CQ13DH0193	Phạm Quốc	Toàn	CN TĐH K13	16	17	22	23	2	80	Tốt
374	CQ13DH0221	Hà Quốc	Toàn	CN TĐH K13	18	20	20	23	0	81	Tốt
375	CQ13DH0446	Phạm Xuân	Trường	CN TĐH K13	14	20	20	23	1	78	Khá
376	CQ13DH0312	Ngô Thanh	Tú	CN TĐH K13	17	24	20	25	0	86	Tốt
377	CQ13DH0218	Nguyễn Anh	Tuấn	CN TĐH K13	15	20	18	20	0	73	Khá
378	CQ13DH0217	Chu Minh	Tuấn	CN TĐH K13	17	19	20	24	0	80	Tốt
379	CQ13DH0216	Lưu Mạnh	Tuấn	CN TĐH K13	19	22	20	24	3	88	Tốt
380	CQ13DH0244	Bùi Thế	Vinh	CN TĐH K13	20	25	20	22	7	94	XS
381	CQ13DH0404	Nguyễn Danh	Vọng	CN TĐH K13	20	24	20	25	0	89	Tốt
382	CQ13DH0286	Phùng Chí	Công	KTĐ 13	20	20	16	19	0	75	Khá
383	CQ13DH0282	Nguyễn Văn	Đạt	KTĐ 13	20	20	20	18	5	83	Tốt
384	CQ13DH0268	Đình Như	Đức	KTĐ 13	20	15	20	20	4	79	Khá
385	CQ13DH0387	Vũ Hoàng Trung	Đức	KTĐ 13	20	20	20	20	5	85	Tốt
386	CQ13DH0263	Trần Hùng	Dũng	KTĐ 13	20	20	20	20	3	83	Tốt
387	CQ13DH0186	Trịnh Ngọc	Dũng	KTĐ 13	20	20	20	20	4	84	Tốt
388	CQ13DH0178	Phạm Văn	Hiếu	KTĐ 13	20	25	20	18	5	88	Tốt
389	CQ13DH0295	Đỗ Khắc	Hoàng	KTĐ 13	20	15	20	20	3	78	Khá
390	CQ13DH0240	Phạm Thế	Hùng	KTĐ 13	20	23	20	20	9	92	XS
391	CQ13DH0389	Đình Việt	Hung	KTĐ 13	20	24	20	20	10	94	XS
392	CQ13DH0248	Bé Tiến	Huy	KTĐ 13	20	20	20	20	4	84	Tốt

TT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
393	CQ13DH0232	Vũ Huy Đức	Long	KTĐ 13	20	20	18	20	2	80	Tốt
394	CQ13DH0234	Đỗ Hải	Long	KTĐ 13	20	12	14	18	2	66	Khá
395	CQ13DH0239	Đỗ Đình	Lương	KTĐ 13	20	22	20	20	10	92	XS
396	CQ13DH0265	Cao Hoàng	Mạnh	KTĐ 13	20	25	20	20	2	87	Tốt
397	CQ13DH0291	Lý Văn	Mạnh	KTĐ 13	20	15	20	20	3	78	Khá
398	CQ13DH0175	Nguyễn Hồng	Minh	KTĐ 13	20	20	20	19	4	83	Tốt
399	CQ13DH0299	Hoàng Long	Quân	KTĐ 13	20	20	20	18	2	80	Tốt
400	CQ13DH0276	Mạc Hồng	Quang	KTĐ 13	20	20	14	18	0	72	Khá
401	CQ13DH0394	Vũ Đức	Sơn	KTĐ 13	20	20	20	18	5	83	Tốt
402	CQ13DH0254	Nguyễn Ngọc	Thân	KTĐ 13	25	20	20	20	5	90	XS
403	CQ13DH0285	Đình Công	Thành	KTĐ 13	20	15	20	18	5	78	Khá
404	CQ13DH0431	Hà Nguyễn Thế	Toàn	KTĐ 13	20	20	16	20	2	78	Khá
405	CQ13DH0246	Trần Bình	Trọng	KTĐ 13	20	20	20	18	5	83	Tốt
406	CQ13DH0252	Hoàng Văn	Trường	KTĐ 13	20	20	20	20	4	84	Tốt
407	CQ13DH0396	Nguyễn Quang	Trường	KTĐ 13	20	20	20	20	8	88	Tốt
408	CQ13DH0257	Đình Xuân	Tùng	KTĐ 13	20	20	20	18	2	80	Tốt
409	LA13DH0023	Chor	Lao	KTĐ 13	20	18	20	20	2	80	Tốt
410	LA13DH0019	Maipheng	Lorphetxay	KTĐ 13	20	20	25	18	5	88	Tốt
411	LA13DH0027	Phimmason	Manivong	KTĐ 13	20	20	20	20	5	85	Tốt
412	LA13DH0005	Sattaphone	Mathipanya	KTĐ 13	20	20	20	20	6	86	Tốt
413	LA13DH0026	Chimy	Pakayheuang	KTĐ 13	20	16	17	15	3	71	Khá
414	LA13DH0018	Senxay	Phouthavongsa	KTĐ 13	20	18	20	20	2	80	Tốt
415	LA13DH0025	Bounchanh	Salikathong	KTĐ 13	20	20	20	20	5	85	Tốt
416	LA13DH0006	Soulinthone	sivongsack	KTĐ 13	20	20	20	20	4	84	Tốt
417	LA13DH0007	Vongphachanh	Thipphaxay	KTĐ 13	20	20	16	20	4	80	Tốt
418	LA13DH0009	Anousith	Vannachone	KTĐ K13	20	20	20	20	4	84	Tốt
419	LA13DH0001	Xaiyasith	Xaiyaphone	KTĐ K13	20	20	17	20	3	80	Tốt
420	CQ14DH0141	Nguyễn Hoàng	Anh	TĐH K14	12	10	18	22	0	62	TB
421	CQ14DH0126	Phùn Tuấn	Anh	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
422	CQ14DH0269	Phan Việt	Anh	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
423	CQ14DH0031	Đình Đức	Anh	TĐH K14	19	23	19	22	5	88	Tốt
424	CQ14DH0259	Vũ Tuấn	Anh	TĐH K14	12	20	18	22	3	75	Khá
425	CQ14DH0125	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	TĐH K14	20	23	20	22	10	95	XS
426	CQ14DH0056	Nguyễn Văn	Bạch	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
427	CQ14DH0029	Nguyễn Phú	Bằng	TĐH K14	19	23	19	21	5	87	Tốt
428	CQ14DH0117	Hoàng Minh	Châu	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
429	CQ14DH0151	Nguyễn Mạnh	Chiến	TĐH K14	13	10	19	22	0	64	TB
430	CQ14DH0188	Nguyễn Thái	Cương	TĐH K14	19	15	19	21	0	74	Khá
431	CQ14DH0330	Nguyễn Đức	Cường	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
432	CQ14DH0111	Nguyễn Mạnh	Cường	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
433	CQ14DH0099	Trịnh Tiến	Cường	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
434	CQ14DH0108	Vũ Văn	Dũng	TĐH K14	12	20	18	22	3	75	Khá
435	CQ14DH0086	Vũ Xuân	Dũng	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
436	CQ14DH0063	Phạm Hồng	Dương	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá

TT	MÃ SV	Họ Tên		Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
437	CQ14DH0144	Nguyễn Đức	Dương	TĐH K14	13	10	19	22	0	64	TB
438	CQ14DH0014	Chịu Đức	Đại	TĐH K14	12	20	18	22	3	75	Khá
439	CQ14DH0226	Nguyễn Thành	Đông	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
440	CQ14DH0264	Lê Việt	Hà	TĐH K14	12	20	18	22	3	75	Khá
441	CQ14DH0211	Doãn Phú	Hiệp	TĐH K14	12	20	18	22	3	75	Khá
442	CQ14DH0242	Phạm Đình	Hiệp	TĐH K14	19	23	19	21	5	87	Tốt
443	CQ14DH0331	Phạm Minh	Hiếu	TĐH K14	12	10	18	22	0	62	TB
444	CQ14DH0251	Đào Xuân	Hiếu	TĐH K14	19	23	19	22	5	88	Tốt
445	CQ14DH0273	Tào Trung	Hiếu	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
446	CQ14DH0197	Nguyễn Đức	Hoàng	TĐH K14	12	20	18	22	3	75	Khá
447	CQ14DH0246	Phạm Lê Huy	Hoàng	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
448	CQ14DH0285	Vũ Minh	Hùng	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
449	CQ14DH0302	Nguyễn Thế	Hùng	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
450	CQ14DH0039	Nguyễn Văn	Hưng	TĐH K14	19	23	19	23	5	89	Tốt
451	CQ14DH0015	Phạm Quang	Hưng	TĐH K14	12	20	18	22	3	75	Khá
452	CQ14DH0210	Cao Nguyễn Duy	Khánh	TĐH K14	12	20	18	22	3	75	Khá
453	CQ14DH0327	Vũ Văn	Kiên	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
454	CQ14DH0053	Tạ Thành	Long	TĐH K14	12	20	18	22	3	75	Khá
455	CQ14DH0198	Trần Mạnh Phi	Long	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
456	CQ14DH0011	Vũ Đình	Lợi	TĐH K14	20	10	20	22	0	72	Khá
457	CQ14DH0194	Đoàn Quang	Minh	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
458	CQ14DH0022	Bùi Công	Minh	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
459	CQ14DH0169	Nguyễn Văn	Minh	TĐH K14	19	23	19	21	5	87	Tốt
460	CQ14DH0040	Ngô Văn	Minh	TĐH K14	12	20	18	22	3	75	Khá
461	CQ14DH0245	Lê Quang	Minh	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
462	CQ14DH0224	Trương Chức	Phong	TĐH K14	19	23	19	22	5	88	Tốt
463	CQ14DH0049	Trần Hoàng	Phúc	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
464	CQ14DH0290	Lương Ngọc	Phúc	TĐH K14	12	20	18	22	3	75	Khá
465	CQ14DH0087	Lê Nguyễn Duy	Phương	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
466	CQ14DH0209	Nguyễn Minh	Phương	TĐH K14	19	23	19	21	5	87	Tốt
467	CQ14DH0128	Phạm Minh	Quang	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
468	CQ14DH0114	Đinh Ngọc	Quân	TĐH K14	12	20	18	22	3	75	Khá
469	CQ14DH0136	Đỗ Xuân	Quý	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
470	CQ14DH0106	Đoàn Ngọc	Son	TĐH K14	12	20	18	22	3	75	Khá
471	CQ14DH0272	Lăng Quang	Son	TĐH K14	12	20	18	22	3	75	Khá
472	CQ14DH0265	Nguyễn Minh	Tân	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
473	CQ14DH0139	Ngô Duy	Thái	TĐH K14	20	23	20	22	10	95	XS
474	CQ14DH0068	Phạm Duy	Thái	TĐH K14	12	20	18	22	3	75	Khá
475	CQ14DH0150	Nguyễn Tuấn	Thành	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
476	CQ14DH0281	Triệu Xuân	Thùy	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
477	CQ14DH0185	Đào Xuân	Tiến	TĐH K14	12	20	18	22	3	75	Khá
478	CQ14DH0088	Nguyễn Đức	Tính	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
479	CQ14DH0077	Lương Mạnh	Toàn	TĐH K14	19	23	19	23	5	89	Tốt
480	CQ14DH0309	Tạ Minh	Trung	TĐH K14	19	23	19	21	5	87	Tốt

TT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
481	CQ14DH0023	Nguyễn Đình	Trung	TĐH K14	12	20	18	22	3	75	Khá
482	CQ14DH0065	Hoàng Đức	Trung	TĐH K14	12	20	18	22	3	75	Khá
483	CQ14DH0263	Lê Văn	Tú	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
484	CQ14DH0113	Nguyễn Đức	Tuân	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
485	CQ14DH0050	Bùi Anh	Tuấn	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
486	CQ14DH0227	Nguyễn Đình	Vân	TĐH K14	13	19	19	22	0	73	Khá
487	CQ14DH0161	Đỗ Thế	Việt	TĐH K14	12	20	18	22	3	75	Khá
488	CQ14DH0047	Nguyễn Lang	Việt	TĐH K14	12	20	18	22	3	75	Khá
489	CQ14DH0034	Đoàn Đình	Vũ	TĐH K14	19	23	19	22	5	88	Tốt
490	CQ12DH0147	Đỗ Quốc	Cường	QTKD K12	20	25	20	20	0	85	Tốt
491	CQ12DH0059	Trần Khánh	Duy	QTKD K12	18	20	20	20	0	78	Khá
492	CQ12DH0126	Trần Hoàng	Hải	QTKD K12	20	15	20	20	0	75	Khá
493	CQ12DH0101	Nguyễn Xuân	Hiếu	QTKD K12	20	15	20	20	0	75	Khá
494	CQ12DH0107	Nguyễn Văn	Nghĩa	QTKD K12	20	25	20	20	0	85	Tốt
495	LA12DH0014	Melamith	Phommavong	QTKD K12	20	25	20	20	0	85	Tốt
496	CQ12DH0102	Vũ Đức	Phúc	QTKD K12	20	25	20	20	0	85	Tốt
497	CQ12DH0106	Đàm Quang	Rồng	QTKD K12	20	25	20	20	0	85	Tốt
498	CQ12DH0104	Nguyễn Thanh	Thùy	QTKD K12	20	25	20	25	10	100	XS
499	CQ12DH0061	Bùi Văn	Tiến	QTKD K12	15	20	20	18	0	73	Khá
500	CQ12DH0116	Vũ Huyền	Trang	QTKD K12	18	20	20	20	0	78	Khá
501	LA12DH0016	Soudalin	Vilaisack	QTKD K12	20	25	20	20	10	95	XS
502	LA12DH0015	Namfon	Vongsonephet	QTKD K12	20	25	20	20	0	85	Tốt
503	CQ13DH0347	Nguyễn Văn	Đồng	QTKD K13	20	20	20	20	0	80	Tốt
504	CQ13DH0463	Nguyễn Trường	Giang	QTKD K13	20	20	20	20	0	80	Tốt
505	CQ13DH0064	Nguyễn Huy	Hoàng	QTKD K13	20	25	20	20	0	85	Tốt
506	CQ13DH0367	Trần Quang	Hung	QTKD K13	20	20	20	20	0	80	Tốt
507	CQ13DH0125	Nguyễn Thị Thu	Hường	QTKD K13	20	25	20	25	10	100	XS
508	CQ13DH0116	Nguyễn Thái	Son	QTKD K13	18	15	20	18	0	71	Khá
509	CQ13DH0103	Nguyễn Thị Thu	Thảo	QTKD K13	20	25	20	20	10	95	XS
510	CQ13DH0419	Dương Ngọc	Thùy	QTKD K13	20	25	20	25	10	100	XS
511	LA13DH0021	Noukdavanh	Khamnouan	QTKD K13	18	20	20	20	0	78	Khá
512	CQ13DH0132	Phạm Thị	Hải	QTDLK13	18	20	20	20	0	78	Khá
513	CQ13DH0110	Nguyễn Ngọc	Hiếu	QTDLK13	20	20	20	25	0	85	Tốt
514	CQ13DH0306	Lê Thị Hoài	Ngọc	QTDLK13	18	15	15	15	0	63	TB
515	CQ13DH0126	Lê Hải	Yến	QTDLK13	20	25	20	25	10	100	XS
516	CQ14DH0035	Trần Việt	Anh	QTKDK14	20	15	20	20	0	75	Khá
517	CQ14DH0193	Lê Ngọc	Chiến	QTKDK14	20	25	20	20	0	85	Tốt
518	CQ14DH0091	Lương Quang	Chiến	QTKDK14	20	25	20	20	10	95	XS
519	CQ14DH0266	Nguyễn Mạnh	Cường	QTKDK14	18	20	20	20	0	78	Khá
520	CQ14DH0179	Chu Bá	Đức	QTKDK14	20	25	20	20	0	85	Tốt
521	CQ14DH0213	Nguyễn Thị	Giang	QTKDK14	20	15	20	20	0	75	Khá
522	CQ14DH0234	Nguyễn Ngọc	Hiếu	QTKDK14	18	20	20	20	0	78	Khá
523	CQ14DH0118	Phạm Xuân	Hoàng	QTKDK14	20	20	20	20	0	80	Tốt
524	CQ14DH0329	Trần Khánh	Hung	QTKDK14	18	20	18	20	0	76	Khá

TT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
525	CQ14DH0153	Đinh Đức	Mạnh	QTKDK14	20	25	20	25	0	90	XS
526	CQ14DH0003	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	QTKDK14	20	15	20	22	0	77	Khá
527	CQ14DH0191	Đỗ Đức	Ngọc	QTKDK14	20	25	20	25	10	100	XS
528	CQ14DH0164	Lê Hồng	Ngọc	QTKDK14	15	15	15	20	0	65	Khá
529	LA14DH0026	Vouthisack	Thieng One	QTKDK14	20	25	20	25	10	100	XS
530	CQ14DH0298	Bùi Văn	Phương	QTKDK14	18	15	20	20	0	73	Khá
531	CQ14DH0059	Đào Anh	Quang	QTKDK14	20	15	20	20	0	75	Khá
532	LA14DH0031	Lattaphonh	Sisoulith	QTKDK14	15	18	18	20	0	71	Khá
533	CQ14DH0078	Đinh Văn	Sơn	QTKDK14	20	25	20	20	0	85	Tốt
534	LA14DH0032	Naly	Thippothong	QTKDK14	20	25	20	25	10	100	XS
535	CQ14DH0207	Chu Thị	Thương	QTKDK14	20	15	20	20	0	75	Khá
536	CQ14DH0270	Bùi Đình	Trung	QTKDK14	20	25	20	20	10	95	XS
537	CQ14DH0067	Trần Hoàng	Tú	QTKDK14	20	25	20	20	0	85	Tốt
538	LTCQ14DH08	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	LTQTKD14	20	15	20	22	0	77	Khá
539	CQ12DH0109	Phạm Thị Thu	Hà	TC doanh nghiệp K12	20	25	15	25	0	85	Tốt
540	CQ12DH0115	Lê Thị Trang	Nhung	TC doanh nghiệp K12	20	25	15	25	10	95	XS
541	LA12DH0018	Khamita	Chanthasith	TC doanh nghiệp K12	20	25	15	25	0	85	Tốt
542	LA12DH0022	Visouda	Keokenchanh	TC doanh nghiệp K12	18	25	15	25	5	88	Tốt
543	LA12DH0023	Somphavone	Keosavath	TC doanh nghiệp K12	15	20	15	25	0	75	Khá
544	LA12DH0017	Anouvong	Kounlavouth	TC doanh nghiệp K12	18	25	15	25	5	88	Tốt
545	LA12DH0021	Bounthala	Shaykhamthone	TC doanh nghiệp K12	18	25	15	25	0	83	Tốt
546	LA12DH0020	Pavina	Souvanthong	TC doanh nghiệp K12	18	25	15	25	0	83	Tốt
547	LA12DH0019	Minthida	Thilasack	TC doanh nghiệp K12	18	25	15	25	0	83	Tốt
548	CQ13DH0130	Trần Nhật	Hoàng	TC doanh nghiệp K13	20	10	15	25	5	75	Khá
549	CQ13DH0131	Trần Thị	Thùy	TC doanh nghiệp K13	18	25	15	25	0	83	Tốt
550	LA13DH0004	Soudalath	Daly	TC doanh nghiệp K13	18	25	15	25	0	83	Tốt
551	LA13DH0002	Phonethida	Douangmany	TC doanh nghiệp K13	18	25	15	25	0	83	Tốt
552	LA13DH0003	Chilaphanh	Mangkhala	TC doanh nghiệp K13	18	25	15	25	0	83	Tốt
553	LA13DH0008	Bouavone	Phanthabouasy	TC doanh nghiệp K13	20	25	15	25	10	95	XS
554	LA13DH0022	Lai on	Souliyasack	TC doanh nghiệp K13	18	25	15	25	0	83	Tốt
555	CQ13DH0462	Cao Thị Thùy	An	TC doanh nghiệp K13	18	25	15	25	0	83	Tốt
556	CQ14DH0096	Đặng Việt	Anh	C doanh nghiệp K14							KĐG
557	CQ14DH0280	Nguyễn Thị Hương	Giang	TC doanh nghiệp K14	18	25	15	25	10	93	XS
558	CQ14DH0271	Phạm Thị Thanh	Hiền	TC doanh nghiệp K14	18	25	15	25	0	83	Tốt
559	CQ14DH0074	Hà Duy	Hưng	TC doanh nghiệp K14							KĐG
560	CQ14DH0206	Nguyễn Phương	Mai	TC doanh nghiệp K14	18	25	15	25	0	83	Tốt
561	CQ14DH0159	Hoàng Thị	Quỳnh	TC doanh nghiệp K14	18	25	15	25	0	83	Tốt
562	CQ14DH0304	Lý Ánh	Tuyền	C doanh nghiệp K14							KĐG
563	LA14DH0014	Phoutthasack	Khonsavanh	TC doanh nghiệp K14	18	25	15	25	0	83	Tốt
564	LA14DH0005	Anongdeth	Mekdala	TC doanh nghiệp K14	18	25	15	25	0	83	Tốt
565	LA14DH0006	Malina	Mixaykone	TC doanh nghiệp K14	18	25	15	25	0	83	Tốt
566	LA14DH0024	Thouby Xay	Oudom	TC doanh nghiệp K14	18	25	15	25	0	83	Tốt
567	LA14DH0007	Boling	Phimmason	TC doanh nghiệp K14	18	25	15	25	0	83	Tốt
568	LA14DH0018	Chinnaphone	Somvanxay	TC doanh nghiệp K14	18	25	15	25	0	83	Tốt

TT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
569	LA14DH0025	Vilaivanh	Sopha	TC doanh nghiệp K14	18	25	15	25	0	83	Tốt
570	LA14DH0015	Malisa	Viphakeo	TC doanh nghiệp K14	18	25	15	25	0	83	Tốt
571	CQ12DH0150	Đỗ Kim	Anh	Kế toán K12	18	25	20	25	0	88	Tốt
572	CQ12DH0068	Phạm Thị Ngọc	Anh	Kế toán K12	15	23	20	25	0	83	Tốt
573	CQ12DH0072	Vũ Thị Huệ	Anh	Kế toán K12	20	25	20	25	0	90	XS
574	CQ12DH0065	Hoàng Thị	Ánh	Kế toán K12	20	20	20	20	0	80	Tốt
575	CQ12DH0144	Phạm Thị Thu	Hà	Kế toán K12	20	23	20	25	0	88	Tốt
576	CQ12DH0081	Đàm Hương	Giang	Kế toán K12	15	25	20	25	0	85	Tốt
577	CQ12DH0070	Cao Thị Thu	Hằng	Kế toán K12	20	23	22	25	0	90	XS
578	CQ12DH0136	Nguyễn Minh	Hằng	Kế toán K12	20	20	20	20	2	82	Tốt
579	CQ12DH0135	Nguyễn Minh	Hòa	Kế toán K12	15	20	20	25	0	80	Tốt
580	CQ12DH0077	Ngô Thị Thu	Huyền	Kế toán K12	20	23	20	20	0	83	Tốt
581	CQ12DH0113	Nguyễn Thị Ngọc	Ly	Kế toán K12	20	25	20	20	0	85	Tốt
582	CQ12DH0066	Kim Phương	Ngân	Kế toán K12	20	25	22	25	3	95	XS
583	CQ12DH0062	Trần Thị Mỹ	Nhung	Kế toán K12	20	23	20	20	0	83	Tốt
584	CQ12DH0069	Phạm Hải	Ninh	Kế toán K12	15	23	20	25	0	83	Tốt
585	CQ12DH0075	Phạm Thị Thúy	Quyên	Kế toán K12	15	15	20	25	0	75	Khá
586	CQ12DH0073	Hoàng Thọ Tùng	Son	Kế toán K12	20	20	20	20	2	82	Tốt
587	CQ12DH0082	Nguyễn Thị Minh	Tâm	Kế toán K12	20	25	20	25	0	90	XS
588	CQ12DH0149	Lê Thị Phương	Thảo	Kế toán K12	20	20	20	25	0	85	Tốt
589	CQ12DH0063	Đường Hương	Thảo	Kế toán K12	15	20	20	25	0	80	Tốt
590	CQ12DH0078	Ứng Thị Phương	Thảo	Kế toán K12	20	25	22	25	4	96	XS
591	CQ12DH0076	Lê Thu	Trang	Kế toán K12	20	20	20	25	0	85	Tốt
592	LTCQ14DH06	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	LTKTK14							KĐG
593	LTCQ14DH14	Nguyễn Hồng	Vân	LTKTK14	18	15	20	25	0	78	Khá
594	LTCQ14DH16	Nguyễn Thùy	Trang	LTKTK14							KĐG
595	LTCQVB214DH	Phạm Thị Phương	Anh	VB2KTK14							KĐG
596	LTCQVB214DH	Phạm Thị Diệu	Linh	VB2KTK14	18	15	20	22	0	75	Khá
597	CQ13DH0028	Nguyễn Ngọc	Anh	Kế toán K13	20	20	15	20	5	80	Tốt
598	CQ13DH0016	Nguyễn Thị Vân	Anh	Kế toán K13	20	25	20	23	8	96	XS
599	CQ13DH0412	Vũ Trung	Anh	Kế toán K13	20	25	20	25	8	98	XS
600	CQ13DH0050	Cao Ngọc	Ánh	Kế toán K13	18	15	20	22	0	75	Khá
601	CQ13DH0054	Vũ Ngọc	Ánh	Kế toán K13	20	20	15	22	3	80	Tốt
602	CQ13DH0456	Đặng Văn	Bình	Kế toán K13	20	15	20	23	0	78	Khá
603	CQ13DH0035	Nguyễn Thị	Bình	Kế toán K13	20	25	20	23	8	96	XS
604	CQ13DH0057	Nguyễn Linh	Chi	Kế toán K13	20	25	20	20	3	88	Tốt
605	CQ13DH0147	La Hồng	Dung	Kế toán K13	20	20	20	18	2	80	Tốt
606	CQ13DH0049	Phùng Văn	Đồng	Kế toán K13	20	25	20	18	5	88	Tốt
607	CQ13DH0019	Quách Thu	Hiên	Kế toán K13	20	25	20	20	3	88	Tốt
608	LA13DH0013	Soulasack	Inthaxay	Kế toán K13	20	20	15	20	5	80	Tốt
609	CQ13DH0362	Nguyễn Thị Thanh	Lam	Kế toán K13	20	20	20	18	5	83	Tốt
610	CQ13DH0063	Giang Thị Khánh	Linh	Kế toán K13	20	25	20	22	5	92	XS
611	CQ13DH0293	Nguyễn Hoài	Linh	Kế toán K13	20	25	20	22	5	92	XS
612	CQ13DH0005	Nguyễn Thùy	Linh	Kế toán K13	20	15	20	20	2	77	Khá

TT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
613	LA13DH0012	Kounda	Meexai	Kế toán K13	20	25	20	20	5	90	XS
614	CQ13DH0360	Vũ Thị Mỹ	Ngọc	Kế toán K13	20	20	20	20	4	84	Tốt
615	CQ13DH0303	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Kế toán K13	20	20	20	20	4	84	Tốt
616	LA13DH0010	Cheuy	Phonemaisee	Kế toán K13	20	25	20	20	5	90	XS
617	CQ13DH0003	Đỗ Văn	Phòng	Kế toán K13	20	25	20	20	2	87	Tốt
618	CQ13DH0006	Hoàng Hữu	Phú	Kế toán K13	20	25	20	25	10	100	XS
619	CQ13DH0053	Bùi Đình Như	Quỳnh	Kế toán K13	20	25	20	18	3	86	Tốt
620	LA13DH0011	Maita	Seesompheng	Kế toán K13	20	25	20	20	5	90	XS
621	CQ13DH0144	Ninh Thị	Tâm	Kế toán K13	20	25	15	20	2	82	Tốt
622	CQ13DH0061	Phạm Thị	Thúy	Kế toán K13	20	20	20	20	5	85	Tốt
623	CQ13DH0009	Từ Thu	Thương	Kế toán K13	20	20	20	20	4	84	Tốt
624	CQ13DH0052	Quách Thị Minh	Thư	Kế toán K13	20	25	15	22	2	84	Tốt
625	CQ13DH0440	Chung Thị Kiều	Trang	Kế toán K13	20	20	20	22	4	86	Tốt
626	CQ13DH0342	Đào Thu	Trang	Kế toán K13	20	25	20	20	5	90	XS
627	CQ13DH0307	Lê Thị Huyền	Trang	Kế toán K13	20	25	20	20	2	87	Tốt
628	CQ13DH0040	Vũ Thị Kiều	Trang	Kế toán K13	20	25	20	20	7	92	XS
629	CQ14DH0027	Bùi Hiếu	Anh	Kế toán K14	18	25	20	25	0	88	Tốt
630	CQ14DH0069	Phạm Minh	Anh	Kế toán K14	15	15	20	25	0	75	Khá
631	CQ14DH0221	Nguyễn Thị Việt	Anh	Kế toán K14	15	15	20	25	0	75	Khá
632	CQ14DH0048	Hà Lan	Chinh	Kế toán K14	20	25	20	20	0	85	Tốt
633	CQ14DH0235	Đào Mạc	Đăng	Kế toán K14	15	25	20	25	0	85	Tốt
634	CQ14DH0287	Trịnh Anh	Đức	Kế toán K14	15	15	20	25	0	75	Khá
635	CQ14DH0024	Lê Văn	Dũng	Kế toán K14	20	25	20	25	0	90	XS
636	CQ14DH0018	Bùi Thị Thùy	Dương	Kế toán K14	20	25	20	25	2	92	XS
637	CQ14DH0105	Phạm Thị Thuý	Dương	Kế toán K14	15	23	20	25	0	83	Tốt
638	CQ14DH0237	Bàn Thị Mỹ	Duyên	Kế toán K14	20	25	20	25	3	93	XS
639	CQ14DH0095	Phạm Thị Thu	Hà	Kế toán K14							KĐG
640	CQ14DH0315	Nguyễn Bùi Nhật	Hoà	Kế toán K14	18	25	20	20	0	83	Tốt
641	CQ14DH0240	Nguyễn Huy	Hoàng	Kế toán K14	20	15	20	20	0	75	Khá
642	CQ14DH0072	Ngô Việt	Hoàng	Kế toán K14	15	6	20	22	0	63	TB
643	CQ14DH0073	Nguyễn Thu	Hương	Kế toán K14	15	25	20	25	0	85	Tốt
644	CQ14DH0112	Lý Thị Lan	Hương	Kế toán K14	20	20	20	25	2	87	Tốt
645	CQ14DH0205	Nguyễn Văn	Huy	Kế toán K14	15	25	20	25	0	85	Tốt
646	CQ14DH0042	Phạm Thị	Huyền	Kế toán K14	20	20	20	25	0	85	Tốt
647	CQ14DH0214	Hoàng Thị	Huyền	Kế toán K14	15	15	20	25	0	75	Khá
648	CQ14DH0062	Trần Thị Mỹ	Linh	Kế toán K14	20	25	22	25	4	96	XS
649	CQ14DH0075	Bùi Thuý	Linh	Kế toán K14	20	20	20	25	0	85	Tốt
650	CQ14DH0089	Lê Thị Cẩm	Linh	Kế toán K14	20	20	20	25	0	85	Tốt
651	CQ14DH0243	Nguyễn Huyền	Linh	Kế toán K14	18	22	20	25	0	85	Tốt
652	CQ14DH0297	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Kế toán K14							KĐG
653	CQ14DH0187	Hoàng Thị Cẩm	Ly	Kế toán K14							KĐG
654	CQ14DH0025	Đặng Tuấn	Minh	Kế toán K14	18	20	20	22	0	80	Tốt
655	CQ14DH0177	Trần Thị Quỳnh	Nga	Kế toán K14	20	20	20	25	0	85	Tốt
656	CQ14DH0145	Phạm Thị	Ngân	Kế toán K14	18	20	20	22	0	80	Tốt

TT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
657	CQ14DH0326	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Kế toán K14							KĐG
658	CQ14DH0260	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Kế toán K14	20	20	20	25	0	85	Tốt
659	CQ14DH0192	Hoàng Lê Thảo	Nguyên	Kế toán K14	15	20	20	25	0	80	Tốt
660	CQ14DH0225	Vũ Thị Thanh	Nhàn	Kế toán K14	20	25	20	25	0	90	XS
661	CQ14DH0236	Nguyễn Hồng	Nhung	Kế toán K14	20	25	20	25	0	90	XS
662	CQ14DH0212	Đặng Hồng	Nhung	Kế toán K14	20	15	20	22	0	77	Khá
663	CQ14DH0002	Lã Thị Thu	Phuong	Kế toán K14	20	25	20	25	0	90	XS
664	CQ14DH0283	Nguyễn Hà	Phuong	Kế toán K14	20	25	20	25	0	90	XS
665	CQ14DH0010	Phạm Minh	Quyết	Kế toán K14	20	20	20	15	0	75	Khá
666	CQ14DH0009	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Kế toán K14	15	20	20	25	0	80	Tốt
667	CQ14DH0190	Lưu Minh	Tân	Kế toán K14	15	9	20	20	0	64	TB
668	CQ14DH0064	Phạm Anh	Thư	Kế toán K14	19	15	20	25	0	79	Khá
669	CQ14DH0256	Vũ Hoài	Thương	Kế toán K14	20	25	20	25	0	90	XS
670	CQ14DH0196	Phạm Huyền	Trang	Kế toán K14	18	15	20	25	0	78	Khá
671	CQ14DH0137	Bùi Thu	Trang	Kế toán K14	18	25	20	20	0	83	Tốt
672	CQ14DH0076	Dương Mạnh	Trường	Kế toán K14	20	15	20	22	0	77	Khá
673	CQ14DH0107	Vũ Hoàng	Vân	Kế toán K14	20	25	20	25	3	93	XS
674	CQ14DH0058	Phạm Minh	Vũ	Kế toán K14	18	20	20	25	0	80	Tốt
675	CQ14DH0070	Nguyễn Ngọc Yến	Vy	Kế toán K14	20	25	20	25	3	93	XS
676	LA14DH0013	Tonavad	Thoumma	Kế toán K14	20	22	20	22	3	87	Tốt
677	LA14DH0017	Somsavath	Manith	Kế toán K14	20	22	20	22	3	87	Tốt
678	LA14DH0028	Papouy	Lorphengsy	Kế toán K14	20	25	20	22	3	90	XS
679	LA14DH0029	Mock	Vongkhamor	Kế toán K14	20	25	20	22	3	90	XS
680	LA14DH0033	Mephachanh	Sylisombath	Kế toán K14	20	22	20	22	3	87	Tốt
681	LA14DH0036	Xam	Vimonekeo	Kế toán K14	20	20	20	25	3	88	Tốt
682	LA14DH0037	Malyny	Xayyaket	Kế toán K14	20	25	20	22	3	90	XS
683	VLVH08DH02	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	QTKD	18	25	20	25	0	88	Tốt
684	VLVH08DH04	Nguyễn Mạnh	Cường	QTKD	10	20	20	25	0	75	Khá
685	VLVH08DH06	Hoàng Minh	Đức	QTKD	17	20	20	25	0	82	Tốt
686	VLVH08DH14	Nguyễn Thị	Lý	QTKD	17	20	20	25	0	82	Tốt
687	VLVH08DH17	Phạm Kiều	Oanh	QTKD	15	20	20	25	0	80	Tốt
688	VLVH08DH19	Nguyễn Mạnh	Quân	QTKD	18	20	20	25	0	83	Tốt
689	VLVH08DH23	Lê Anh	Tuấn	QTKD	18	20	20	25	0	83	Tốt
690	VLVH08DH24	Phạm Hữu	Tùng	QTKD	17	20	20	25	0	82	Tốt
691	VLVH08DH26	Nguyễn Tuấn	Việt	QTKD	17	20	20	25	5	87	Tốt
692	VLVH08DH27	Bùi Hoàng	Vũ	QTKD	18	25	20	25	5	93	XS
693	VLVH08DH11	Trần Minh	Lâm	QTKD	tham gia đánh giá do nghỉ học vô lý do d						KĐG
694	VLVH08DH13	Nguyễn Thị	Lộc	QTKD							KĐG
695	VLVH08DH15	Vũ Thị Tuyết	Mai	QTKD							KĐG
696	VLVH08DH22	Hoàng Anh	Tuấn	QTKD							KĐG
697	CQ15DH0040	Đặng Quý	Anh	CNKTD K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
698	CQ15DH0094	Phạm Huy	Anh	CNKTD K15	17	23	18	25	0	83	Tốt
699	CQ15DH0041	Phùng Trọng	Chinh	CNKTD K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
700	CQ15DH0089	Nguyễn Mạnh	Cường	CNKTD K15	17	25	18	25	0	85	Tốt

TT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
701	CQ15DH0043	Trần Mạnh	Cường	CNKTĐ K15	19	25	18	25	0	87	Tốt
702	CQ15DH0047	Nguyễn Mạnh	Dũng	CNKTĐ K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
703	CQ15DH0048	Mạc Văn	Duy	CNKTĐ K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
704	CQ15DH0049	Nguyễn Quốc	Duy	CNKTĐ K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
705	CQ15DH0045	Hoàng Duy	Đông	CNKTĐ K15	18	25	18	25	0	86	Tốt
706	CQ15DH0046	Đinh Ngọc	Đức	CNKTĐ K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
707	CQ15DH0216	Đỗ Minh	Hiếu	CNKTĐ K15	17	23	18	25	0	83	Tốt
708	CQ15DH0238	Phạm Trung	Hiếu	CNKTĐ K15	18	25	18	25	0	86	Tốt
709	CQ15DH0051	Bùi Đình	Hoàng	CNKTĐ K15	18	25	18	25	0	86	Tốt
710	CQ15DH0090	Lê Minh	Hùng	CNKTĐ K15	18	25	18	25	0	86	Tốt
711	CQ15DH0086	Ninh Vũ Phi	Hùng	CNKTĐ K15	16	25	18	25	0	84	Tốt
712	CQ15DH0258	Vũ Quang	Huy	CNKTĐ K15	15	21	18	25	0	79	Khá
713	CQ15DH0052	Đào Ngọc	Hung	CNKTĐ K15	16	23	18	25	0	82	Tốt
714	CQ15DH0053	Nguyễn Văn	Kiên	CNKTĐ K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
715	CQ15DH0101	Trần Chung	Kiên	CNKTĐ K15	18	25	18	25	0	86	Tốt
716	CQ15DH0056	Nguyễn Hoàng	Long	CNKTĐ K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
717	CQ15DH0057	Nguyễn Phú Bảo	Long	CNKTĐ K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
718	CQ15DH0100	Vũ Văn	Long	CNKTĐ K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
719	CQ15DH0087	Nguyễn Đức	Lộc	CNKTĐ K15	18	25	18	25	0	86	Tốt
720	CQ15DH0059	Nguyễn Đức	Mạnh	CNKTĐ K15	17	23	18	25	0	83	Tốt
721	CQ15DH0060	Hoàng Công	Minh	CNKTĐ K15	18	25	18	25	6	92	XS
722	CQ15DH0061	Nguyễn Công	Minh	CNKTĐ K15	18	25	18	25	0	86	Tốt
723	CQ15DH0062	Nguyễn Nhật	Minh	CNKTĐ K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
724	CQ15DH0063	Trần Hải	Nam	CNKTĐ K15	18	25	18	25	0	86	Tốt
725	CQ15DH0064	Trần Đình Trọng	Nghĩa	CNKTĐ K15	18	25	18	25	8	94	XS
726	CQ15DH0091	Đinh Cao	Nguyên	CNKTĐ K15	16	25	18	25	0	84	Tốt
727	CQ15DH0097	Nguyễn Văn	Phúc	CNKTĐ K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
728	CQ15DH0067	Phạm Đức	Phuong	CNKTĐ K15	18	23	18	25	6	90	XS
729	CQ15DH0070	Nguyễn Ngọc	Quang	CNKTĐ K15	18	25	18	25	0	86	Tốt
730	CQ15DH0068	Bùi Đức	Quân	CNKTĐ K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
731	CQ15DH0069	Nguyễn Minh	Quân	CNKTĐ K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
732	CQ15DH0072	Đinh Thái	Sơn	CNKTĐ K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
733	CQ15DH0074	Lưu Hồng	Sơn	CNKTĐ K15	0	0	0	0	0	0	KĐG
734	CQ15DH0252	Nguyễn Văn	Sơn	CNKTĐ K15	18	25	18	25	0	86	Tốt
735	CQ15DH0098	Hoàng Văn	Tiến	CNKTĐ K15	18	25	18	25	0	86	Tốt
736	CQ15DH0077	Phạm Đức	Toàn	CNKTĐ K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
737	CQ15DH0237	Nguyễn Trần	Trung	CNKTĐ K15	16	23	18	25	0	82	Tốt
738	CQ15DH0078	Nguyễn Viết	Trung	CNKTĐ K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
739	CQ15DH0079	Đinh Xuân	Trường	CNKTĐ K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
740	CQ15DH0265	Vũ Xuân	Trường	CNKTĐ K15	18	25	18	25	0	86	Tốt
741	CQ15DH0080	Tạ Huy	Tú	CNKTĐ K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
742	CQ15DH0221	Hoàng Minh	Tuấn	CNKTĐ K15	18	25	18	25	0	86	Tốt
743	CQ15DH0081	Lê Anh	Tuấn	CNKTĐ K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
744	CQ15DH0085	Vũ Mạnh	Tuấn	CNKTĐ K15	17	25	18	25	0	85	Tốt

TT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
745	CQ15DH0083	Nguyễn Kim	Tùng	CNKTD K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
746	CQ15DH0099	Nguyễn Chí	Vĩ	CNKTD K15	17	23	18	25	0	83	Tốt
747	CQ15DH0042	Đoàn Văn	Công	Điện tử K15	16	23	18	25	0	82	Tốt
748	CQ15DH0044	Nguyễn Tiến	Đạt	Điện tử K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
749	CQ15DH0092	Bùi Đức	Hải	Điện tử K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
750	CQ15DH0050	Nguyễn Trung	Hiếu	Điện tử K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
751	CQ15DH0246	Tăng Thanh	Hoàng	Điện tử K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
752	CQ15DH0287	Nguyễn Văn	Hùng	Điện tử K15	18	25	18	25	0	86	Tốt
753	CQ15DH0054	Đinh Quang	Lâm	Điện tử K15	18	25	18	25	6	92	XS
754	CQ15DH0055	Lâm Văn	Linh	Điện tử K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
755	CQ15DH0240	Bùi Văn	Lực	Điện tử K15	16	25	18	25	0	84	Tốt
756	CQ15DH0264	Phạm Thị Tuyết	Nhung	Điện tử K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
757	CQ15DH0096	Lê Hoàng	Phúc	Điện tử K15	17	25	18	25	6	91	XS
758	CQ15DH0071	Phạm Minh	Quyết	Điện tử K15	17	25	18	25	6	91	XS
759	CQ15DH0286	Bùi Minh	Thắng	Điện tử K15	0	0	0	0	0	0	KĐG
760	CQ15DH0075	Trần Quốc	Thắng	Điện tử K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
761	CQ15DH0082	Trần Anh	Tuấn	Điện tử K15	17	25	18	25	0	85	Tốt
762	CQ15DH0143	Đặng Văn	Yên	Điện tử K15	17	23	18	25	0	83	Tốt
763	CQ15DH0260	Nguyễn Phúc Khanh	An	Kế toán K15	15	25	20	22	0	82	Tốt
764	CQ15DH0268	Bùi Phương	Anh	Kế toán K15	15	23	20	25	0	83	Tốt
765	CQ15DH0229	Đầu Thị Lan	Anh	Kế toán K15	15	20	20	25	0	80	Tốt
766	CQ15DH0269	Hoàng Kiều	Anh	Kế toán K15	20	25	20	20	0	85	Tốt
767	CQ15DH0213	Lê Ngọc	Anh	Kế toán K15	20	25	20	25	0	90	XS
768	CQ15DH0186	Nguyễn Thị Vân	Anh	Kế toán K15	20	25	20	25	2	92	XS
769	CQ15DH0188	Nguyễn Văn	Anh	Kế toán K15	15	25	20	25	0	85	Tốt
770	CQ15DH0251	Trần Thị Ngọc	Anh	Kế toán K15	15	25	20	25	0	85	Tốt
771	CQ15DH0187	Vũ Thị Vân	Anh	Kế toán K15	15	23	20	25	0	83	Tốt
772	CQ15DH0190	Vũ Thị Thùy	Dung	Kế toán K15	20	25	20	25	0	90	XS
773	CQ15DH0191	Chịu Tiến	Dũng	Kế toán K15	15	23	20	25	0	83	Tốt
774	CQ15DH0192	Nguyễn Thùy	Dương	Kế toán K15	15	20	20	25	0	80	Tốt
775	CQ15DH0189	Ngô Văn	Đức	Kế toán K15	18	20	20	25	0	83	Tốt
776	CQ15DH0194	Nguyễn Thúy	Hạnh	Kế toán K15	18	25	20	20	0	83	Tốt
777	CQ15DH0207	Lê Thu	Hằng	Kế toán K15	15	23	20	25	0	83	Tốt
778	CQ15DH0193	Phạm Thị	Hằng	Kế toán K15	15	20	20	25	0	80	Tốt
779	CQ15DH0195	Nguyễn Thu	Hoài	Kế toán K15	15	23	20	25	0	83	Tốt
780	CQ15DH0196	Vũ Minh	Hồng	Kế toán K15	15	25	20	25	0	85	Tốt
781	CQ15DH0208	Triệu Diễm	Hương	Kế toán K15	15	20	20	25	0	80	Tốt
782	CQ15DH0209	Trần Thị	Lệ	Kế toán K15	15	25	20	25	0	85	Tốt
783	CQ15DH0255	Nguyễn Thị	Liên	Kế toán K15	20	25	20	25	0	90	XS
784	CQ15DH0244	Đỗ Thị Mai	Linh	Kế toán K15	20	25	20	25	0	90	XS
785	CQ15DH0235	Phan Thị Khánh	Linh	Kế toán K15	15	23	20	25	0	83	Tốt
786	CQ15DH0210	Phạm Thị	Loan	Kế toán K15	20	25	20	25	0	90	XS
787	CQ15DH0248	Vũ Văn	Mạnh	Kế toán K15	20	25	20	25	2	92	XS
788	CQ15DH0211	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Kế toán K15	20	20	25	25	0	90	XS

TT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
789	CQ15DH0250	Đỗ Thị	Nhung	Kế toán K15	25	20	20	22	0	87	Tốt
790	CQ15DH0236	Vũ Thùy	Nhung	Kế toán K15	25	20	20	20	0	85	Tốt
791	CQ15DH0205	Đào Bích	Phượng	Kế toán K15	18	20	20	22	0	80	Tốt
792	CQ15DH0197	Nguyễn Như	Quỳnh	Kế toán K15	20	20	20	25	0	85	Tốt
793	CQ15DH0198	Dương Thanh	Thảo	Kế toán K15	18	20	20	22	0	80	Tốt
794	CQ15DH0199	Đỗ Vi	Thảo	Kế toán K15	20	25	20	25	2	92	XS
795	CQ15DH0200	Nguyễn Thị	Thảo	Kế toán K15	20	20	20	25	0	85	Tốt
796	CQ15DH0212	Triệu Thị	Thảo	Kế toán K15	20	25	20	25	0	90	XS
797	CQ15DH0202	Nguyễn Thị Thu	Thùy	Kế toán K15	20	25	20	20	0	85	Tốt
798	CQ15DH0201	Hoàng Vũ Văn	Thư	Kế toán K15	20	20	20	25	0	85	Tốt
799	CQ15DH0289	Tạ Minh	Tiến	Kế toán K15							KĐG
800	CQ15DH0203	Nguyễn Thành	Trung	Kế toán K15	20	20	20	25	0	85	Tốt
801	CQ15DH0204	Mạc Thị Hải	Yến	Kế toán K15	15	20	20	25	0	80	Tốt
802	CQ15DH0223	Trịnh Duy	Anh	QT Kinh doanh K15	20	20	20	25	0	85	Tốt
803	CQ15DH0002	Đỗ Sỹ	Đan	QT Kinh doanh K15	20	20	20	25	0	85	Tốt
804	CQ15DH0254	Đỗ Ngọc	Hằng	QT Kinh doanh K15	20	20	20	25	0	85	Tốt
805	CQ15DH0224	Nguyễn Quang	Minh	QT Kinh doanh K15	20	20	20	25	0	85	Tốt
806	CQ15DH0225	Nguyễn Hải	Nam	QT Kinh doanh K15	20	20	20	25	0	85	Tốt
807	CQ15DH0230	Lê Thế	Phong	QT Kinh doanh K15	20	20	20	20	0	80	Tốt
808	CQ15DH0257	Đỗ Xuân	Thịnh	QT Kinh doanh K15	5	10	10	10	0	35	Yếu
809	CQ15DH0261	Đặng Ngọc	Tiến	QT Kinh doanh K15	20	25	20	20	0	85	Tốt
810	CQ15DH0226	Trương Tiến	Toàn	QT Kinh doanh K15	20	20	20	25	0	85	Tốt
811	CQ15DH0259	Lưu Thị Quỳnh	Trang	QT Kinh doanh K15	22	20	20	20	0	82	Tốt
812	CQ15DH0227	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	QT Kinh doanh K15	20	25	20	25	2	92	XS
813	CQ15DH0256	Đỗ Văn	Trung	QT Kinh doanh K15	5	10	10	10	0	35	Yếu
814	CQ15DH0267	Nguyễn Quốc	Trung	QT Kinh doanh K15	20	20	20	20	0	80	Tốt
815	CQ15DH0278	Phạm Quốc	Trung	QT Kinh doanh K15	15	20	15	15	0	65	Khá
816	CQ15DH0279	Dương Đức Anh	Tú	QT Kinh doanh K15	5	10	10	10	0	35	Yếu
817	CQ15DH0228	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	QT Kinh doanh K15	20	20	20	25	0	85	Tốt
818	CQ15DH0232	Vi Văn	Tuấn	QT Kinh doanh K15	20	20	20	20	0	80	Tốt
819	CQ15DH0283	Vũ Minh	Tuấn	QT Kinh doanh K15	5	10	10	10	0	35	Yếu
820	CQ15DH0231	Phạm Thanh	Tùng	QT Kinh doanh K15	20	20	20	20	0	80	Tốt
821	CQ15DH0245	Lê Hồng	Yến	TC Doang nghiệp K15	25	20	20	25	0	90	XS
822	CQ15DH0033	Bùi Việt	Anh	Cơ khí ô tô K15	16	21	20	25	0	82	Tốt
823	CQ15DH0001	Trần Văn	Chính	Cơ khí ô tô K15	16	21	18	25	0	80	Tốt
824	CQ15DH0006	Nguyễn Tiến	Dũng	Cơ khí ô tô K15	16	21	18	25	0	80	Tốt
825	CQ15DH0034	Lã Minh	Đức	Cơ khí ô tô K15	16	25	18	25	0	84	Tốt
826	CQ15DH0004	Nguyễn Trí	Đức	Cơ khí ô tô K15	16	25	20	25	6	92	XS
827	CQ15DH0005	Trần Minh	Đức	Cơ khí ô tô K15	18	23	20	25	0	86	Tốt
828	CQ15DH0007	Nguyễn Phúc	Hiếu	Cơ khí ô tô K15	16	21	18	25	0	80	Tốt
829	CQ15DH0008	Nguyễn Văn	Hoàng	Cơ khí ô tô K15	16	23	18	25	0	82	Tốt
830	CQ15DH0009	Phạm Huy	Hoàng	Cơ khí ô tô K15	16	23	18	25	0	82	Tốt
831	CQ15DH0030	Đinh Xuân	Hoàng	Cơ khí ô tô K15	16	23	18	25	0	82	Tốt
832	CQ15DH0036	Phạm Văn	Hợp	Cơ khí ô tô K15	16	21	18	25	0	80	Tốt

TT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
833	CQ15DH0011	Lê Văn	Hùng	Cơ khí ô tô K15	20	25	20	25	6	96	XS
834	CQ15DH0037	Tăng Duy	Hung	Cơ khí ô tô K15	18	23	18	25	0	84	Tốt
835	CQ15DH0012	Nguyễn Hữu Nam	Khánh	Cơ khí ô tô K15	18	21	18	25	0	82	Tốt
836	CQ15DH0013	Phạm Gia	Khánh	Cơ khí ô tô K15	18	23	18	25	0	84	Tốt
837	CQ15DH0014	Phạm Gia	Khiêm	Cơ khí ô tô K15	18	21	18	25	0	82	Tốt
838	CQ15DH0015	Hoàng Trung	Kiên	Cơ khí ô tô K15	16	21	18	25	0	80	Tốt
839	CQ15DH0016	Mạc Trung	Kiên	Cơ khí ô tô K15	16	21	18	25	0	80	Tốt
840	CQ15DH0032	Lưu Đình Phúc	Lâm	Cơ khí ô tô K15	16	21	18	25	0	80	Tốt
841	CQ15DH0017	Ngô Trường	Nam	Cơ khí ô tô K15	18	23	20	25	0	86	Tốt
842	CQ15DH0018	Nguyễn Minh	Nghĩa	Cơ khí ô tô K15	16	23	20	25	0	84	Tốt
843	CQ15DH0020	Phạm Quyền	Ninh	Cơ khí ô tô K15	16	23	20	25	0	84	Tốt
844	CQ15DH0021	Trần Ngọc	Ninh	Cơ khí ô tô K15	16	21	18	25	0	80	Tốt
845	CQ15DH0022	Hoàng Văn	Phát	Cơ khí ô tô K15	16	23	20	25	2	86	Tốt
846	CQ15DH0284	Nguyễn Văn	Phong	Cơ khí ô tô K15	0	0	0	0	0	0	Kém
847	CQ15DH0065	Lê Xuân	Phúc	Cơ khí ô tô K15	18	23	20	25	0	86	Tốt
848	CQ15DH0038	Nguyễn Thiên	Phước	Cơ khí ô tô K15	16	21	18	25	0	80	Tốt
849	CQ15DH0285	Nguyễn Văn	Quang	Cơ khí ô tô K15	5	0	0	0	0	5	Kém
850	CQ15DH0031	Nguyễn Đình	Quân	Cơ khí ô tô K15	18	23	20	25	0	86	Tốt
851	CQ15DH0023	Nguyễn Trọng	Tân	Cơ khí ô tô K15	18	25	20	25	0	88	Tốt
852	CQ15DH0024	Cao Văn	Thái	Cơ khí ô tô K15	16	21	18	25	0	80	Tốt
853	CQ15DH0025	Diệp Sinh	Thành	Cơ khí ô tô K15	18	23	20	25	0	86	Tốt
854	CQ15DH0026	Đặng Huy	Toàn	Cơ khí ô tô K15	16	23	18	25	0	82	Tốt
855	CQ15DH0027	Lê Văn	Toàn	Cơ khí ô tô K15	18	23	18	25	0	84	Tốt
856	CQ15DH0028	Nguyễn Đức	Toàn	Cơ khí ô tô K15	18	23	20	25	0	86	Tốt
857	CQ15DH0029	Hoàng Thanh	Tùng	Cơ khí ô tô K15	16	23	18	25	0	82	Tốt
858	CQ15DH0282	Nguyễn Huy	Tùng	Cơ khí ô tô K15	10	15	10	25	0	60	TB
859	CQ15DH0215	Nguyễn Đức	Duy	KT Mô K15	16	21	20	25	0	82	Tốt
860	CQ15DH0273	Cao Trọng	Hiếu	KT Mô K15	5	0	0	0	0	5	Kém
861	CQ15DH0217	Nguyễn Viết	Hoàng	KT Mô K15	16	23	18	25	0	82	Tốt
862	CQ15DH0218	Trần Đức	Huy	KT Mô K15	16	21	18	25	0	80	Tốt
863	CQ15DH0220	Nguyễn Quốc	Quân	KT Mô K15	16	23	18	25	0	82	Tốt
864	CQ15DH0266	Nguyễn Quang	Thái	KT Mô K15	16	21	18	25	0	80	Tốt
865	CQ15DH0145	Nguyễn Thế	Anh	Tự động hoá K15	10	20	15	20	0	65	Khá
866	CQ15DH0102	Trần Đức	Anh	Tự động hoá K15	18	23	20	25	0	86	Tốt
867	CQ15DH0093	Vũ Lê Ngọc	Anh	Tự động hoá K15	18	22	20	22	0	82	Tốt
868	CQ15DH0104	Nguyễn Viết	Bảo	Tự động hoá K15	18	22	20	22	0	82	Tốt
869	CQ15DH0103	Đoàn Văn	Bắc	Tự động hoá K15	19	22	20	22	0	83	Tốt
870	CQ15DH0274	Phạm Văn	Bằng	Tự động hoá K15	5	10	20	20	2	57	TB
871	CQ15DH0146	Phạm Đức	Cảnh	Tự động hoá K15	15	25	20	25	0	85	Tốt
872	CQ15DH0105	Phạm Minh	Chiến	Tự động hoá K15	15	23	20	25	0	83	Tốt
873	CQ15DH0280	Trịnh Thị Thùy	Dung	Tự động hoá K15	20	25	20	25	0	90	XS
874	CQ15DH0109	Mạc Văn	Dũng	Tự động hoá K15	20	25	20	25	0	90	XS
875	CQ15DH0147	Nguyễn Văn	Dũng	Tự động hoá K15	20	25	20	25	7	97	XS
876	CQ15DH0241	Nguyễn Tất	Duy	Tự động hoá K15	20	25	20	25	0	90	XS

TT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
877	CQ15DH0161	Vũ Khánh	Duy	Tự động hoá K15	17	22	20	20	0	79	Khá
878	CQ15DH0288	Nguyễn Thái	Dương	Tự động hoá K15							KĐG
879	CQ15DH0162	Trương Văn	Dương	Tự động hoá K15	18	22	20	22	0	82	Tốt
880	CQ15DH0275	Nông Đức	Đại	Tự động hoá K15	18	22	20	22	0	82	Tốt
881	CQ15DH0233	Nguyễn Văn	Đạt	Tự động hoá K15	18	22	20	22	0	82	Tốt
882	CQ15DH0281	Bùi Thành	Đô	Tự động hoá K15	18	22	20	22	0	82	Tốt
883	CQ15DH0106	Đinh Văn	Đô	Tự động hoá K15	20	23	20	23	0	86	Tốt
884	CQ15DH0003	Vũ Văn	Đông	Tự động hoá K15	10	25	20	20	0	75	Khá
885	CQ15DH0108	Lê Trung	Đức	Tự động hoá K15	20	20	20	23	0	83	Tốt
886	CQ15DH0107	Nguyễn Văn	Đức	Tự động hoá K15	20	23	20	23	0	86	Tốt
887	CQ15DH0110	Nguyễn Trường	Giang	Tự động hoá K15	18	23	20	24	0	85	Tốt
888	CQ15DH0111	Trương Hoàng	Hà	Tự động hoá K15	16	20	20	24	0	80	Tốt
889	CQ15DH0088	Nguyễn Ngọc	Hải	Tự động hoá K15	18	23	20	24	2	87	Tốt
890	CQ15DH0148	Tô Ngọc	Hiển	Tự động hoá K15	20	25	20	24	0	89	Tốt
891	CQ15DH0149	Bùi Đức	Hiếu	Tự động hoá K15	20	25	20	25	0	90	XS
892	CQ15DH0112	Hoàng Trung	Hiếu	Tự động hoá K15	16	23	20	24	0	83	Tốt
893	CQ15DH0113	Lê Trung	Hiếu	Tự động hoá K15	16	23	20	20	0	79	Khá
894	CQ15DH0114	Sênh Đức	Hoàn	Tự động hoá K15	18	23	20	24	0	85	Tốt
895	CQ15DH0035	Đặng Huy	Hoàng	Tự động hoá K15	18	20	20	22	0	80	Tốt
896	CQ15DH0222	Nguyễn Đức	Hoàng	Tự động hoá K15	20	25	20	25	0	90	XS
897	CQ15DH0150	Bùi Ngọc	Hùng	Tự động hoá K15	18	20	20	25	0	83	Tốt
898	CQ15DH0115	Trần Minh	Hùng	Tự động hoá K15	18	20	20	25	0	83	Tốt
899	CQ15DH0117	Phạm Minh	Huy	Tự động hoá K15	18	20	20	25	0	83	Tốt
900	CQ15DH0118	Trần Khắc	Huy	Tự động hoá K15	18	20	20	25	0	83	Tốt
901	CQ15DH0116	Trần Công	Hung	Tự động hoá K15	18	20	20	20		78	Khá
902	CQ15DH0119	Dương Văn	Khải	Tự động hoá K15	20	20	20	25	0	85	Tốt
903	CQ15DH0120	Ngô Nam	Khánh	Tự động hoá K15	15	20	20	23	0	78	Khá
904	CQ15DH0121	Nguyễn Duy	Khánh	Tự động hoá K15	20	20	20	25	0	85	Tốt
905	CQ15DH0122	Vương Xuân	Khánh	Tự động hoá K15	17	20	20	23	0	80	Tốt
906	CQ15DH0123	Điệp Trung	Kiên	Tự động hoá K15	20	25	20	25	0	90	XS
907	CQ15DH0124	Nguyễn Hoàng	Kỳ	Tự động hoá K15	20	25	20	25	0	90	XS
908	CQ15DH0125	Nguyễn Ngọc	Linh	Tự động hoá K15	15	20	20	25	0	80	Tốt
909	CQ15DH0151	Triệu Quý	Linh	Tự động hoá K15	20	20	20	20	0	80	Tốt
910	CQ15DH0152	Hoàng Hải	Long	Tự động hoá K15	20	25	20	25	0	90	XS
911	CQ15DH0242	Ngô Đăng	Long	Tự động hoá K15	20	25	20	20	0	85	Tốt
912	CQ15DH0169	Nguyễn Hoàng	Long	Tự động hoá K15	17	20	20	25	0	82	Tốt
913	CQ15DH0170	Trần Duy	Long	Tự động hoá K15	13	20	20	20	0	73	Khá
914	CQ15DH0058	Phạm Đức	Mạnh	Tự động hoá K15	15	20	20	25	0	80	Tốt
915	CQ15DH0126	Bùi Anh	Minh	Tự động hoá K15	12	18	20	20	0	70	Khá
916	CQ15DH0247	Bùi Ngọc	Minh	Tự động hoá K15	15	25	20	20	0	80	Tốt
917	CQ15DH0127	Vũ Tuấn	Minh	Tự động hoá K15	20	25	20	25	0	90	XS
918	CQ15DH0129	Đặng Phương	Nam	Tự động hoá K15	20	20	20	20	2	82	Tốt
919	CQ15DH0153	Nguyễn Hoài	Nam	Tự động hoá K15	20	25	20	25	0	90	XS
920	CQ15DH0239	Nguyễn Phương	Nam	Tự động hoá K15	15	20	20	20	0	75	Khá

TT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
921	CQ15DH0128	Vũ Trường	Nam	Tự động hoá K15	15	23	20	25	0	83	Tốt
922	CQ15DH0154	Lý Văn	Ngân	Tự động hoá K15	20	25	20	25	0	90	XS
923	CQ15DH0155	Đặng Quang	Nghĩa	Tự động hoá K15	20	25	20	25	0	90	XS
924	CQ15DH0019	Ngô Trọng	Nhân	Tự động hoá K15	20	20	20	25	0	85	Tốt
925	CQ15DH0095	Nguyễn Quang	Ninh	Tự động hoá K15	18	20	20	25	0	83	Tốt
926	CQ15DH0156	Lê Văn	Phát	Tự động hoá K15	20	25	20	25	0	90	XS
927	CQ15DH0130	Lê Trần Bảo	Phúc	Tự động hoá K15	15	23	20	25	0	83	Tốt
928	CQ15DH0066	Lâm Xuân	Phương	Tự động hoá K15	15	20	20	23	0	78	Khá
929	CQ15DH0144	Nguyễn Thiện	Quang	Tự động hoá K15	20	25	20	25	7	97	XS
930	CQ15DH0132	Vũ Đăng	Quang	Tự động hoá K15	15	20	20	24	0	79	Khá
931	CQ15DH0131	Nguyễn Minh	Quân	Tự động hoá K15	18	20	20	25	0	83	Tốt
932	CQ15DH0243	Nguyễn Tiến	Quân	Tự động hoá K15	20	25	20	25	0	90	XS
933	CQ15DH0073	Lê Ngọc	Sơn	Tự động hoá K15	18	20	20	25	0	83	Tốt
934	CQ15DH0133	Chu An	Tâm	Tự động hoá K15	18	20	20	25	0	83	Tốt
935	CQ15DH0157	Đinh Xuân	Thanh	Tự động hoá K15	15	23	20	25	0	83	Tốt
936	CQ15DH0135	Phạm Công	Thành	Tự động hoá K15	20	25	20	25	0	90	XS
937	CQ15DH0158	Phạm Tiến	Thành	Tự động hoá K15	20	25	20	25	7	97	XS
938	CQ15DH0134	Lê Chiến	Thắng	Tự động hoá K15	20	20	25	25	0	90	XS
939	CQ15DH0262	Nguyễn Quốc	Thắng	Tự động hoá K15	20	25	20	25	0	90	XS
940	CQ15DH0076	Bùi Đức	Thi	Tự động hoá K15	18	25	20	25	0	88	Tốt
941	CQ15DH0136	Nguyễn Mạnh	Tiến	Tự động hoá K15	18	25	20	25	0	88	Tốt
942	CQ15DH0159	Nguyễn Thành	Trung	Tự động hoá K15	15	20	20	20	0	75	Khá
943	CQ15DH0137	Trần Đình	Trung	Tự động hoá K15	18	25	20	22	0	85	Tốt
944	CQ15DH0160	Lại Văn	Tú	Tự động hoá K15	17	23	20	23	0	83	Tốt
945	CQ15DH0138	Dương Minh	Tuấn	Tự động hoá K15	17	20	20	25	0	82	Tốt
946	CQ15DH0139	Nguyễn Thế	Tuấn	Tự động hoá K15	17	23	20	25	0	85	Tốt
947	CQ15DH0140	Bùi Quang	Tùng	Tự động hoá K15	15	20	20	20	0	75	Khá
948	CQ15DH0234	Đỗ Anh	Văn	Tự động hoá K15	15	20	20	20	0	75	Khá
949	CQ15DH0141	Trần Trung	Việt	Tự động hoá K15	15	20	20	20	0	75	Khá
950	CQ15DH0142	Chu Thiên	Vũ	Tự động hoá K15	20	20	20	25	0	85	Tốt
951	LA15DH0001	Hatsady	Soudalin	TCDN K15	18	25	20	25	2	90	XS
952	LA15DH0002	Khounnakhanty	Bounphisit	TCDN K15	18	25	20	25	4	92	XS
953	LA15DH0004	Lidthideth	Sengdao	TCDN K15	18	25	20	25	4	92	XS
954	LA15DH0006	Hervaxeng	Soutida	TCDN K15	18	25	20	25	4	92	XS
955	LA15DH0008	Xaiyavong	Souphalin	TCDN K15	18	25	20	25	4	92	XS
956	LA15DH0009	Nguyễn Văn Nhật	Trọng	TCDN K15	18	25	20	25	2	90	XS
957	LA15DH0018	Khounphilavanh	Nitaya	TCDN K15	18	25	20	25	4	92	XS
958	LA15DH0019	Meuangmany	Bounmy	TCDN K15	18	25	20	25	2	90	XS
959	LA15DH0028	Monexai	Toun	TCDN K15	19	25	20	25	4	93	XS
960	LA15DH0029	Vongkham	Nida	TCDN K15	19	25	20	25	4	93	XS
961	LA15DH0032	Douangmala	Dalounna	TCDN K15	17	25	20	25	2	89	Tốt
962	LA15DH0033	Sylimalay	Houngthongkham	TCDN K15	17	25	20	25	2	89	Tốt
963	LA15DH0034	Phaengsavanh	Khamlar	TCDN K15	18	25	20	25	2	90	XS
964	LA15DH0012	Somsakdy	Aoy	Kế toán K15	18	25	18	20	0	86	Tốt

TT	MÃ SV	Họ	Tên	Lớp chuyên ngành	Điểm nội dung					Tổng điểm	Xếp loại
					ND1	ND2	ND3	ND4	ND5		
965	LA15DH0020	Vongluexay	Andy	Kế toán K15	18	25	20	25	4	92	XS
966	LA15DH0026	Laoly	Meelyda	Kế toán K15	19	25	20	25	4	93	XS
967	LA15DH0027	Souksenboun	Souphaphone	Kế toán K15	18	25	20	25	4	92	XS
968	LA15DH0010	Thepphomhak	Sitthisay	QTKD K15	17	25	20	25	2	89	Tốt
969	LA15DH0014	Saysomboun	Lathda	QTKD K15	18	25	18	20	0	86	Tốt
970	LA15DH0015	Phakeo	Lathdavanh	QTKD K15	18	25	20	25	2	90	XS
971	LA15DH0025	Khanmeexai	Dokkeo	QTKD K15	18	25	20	25	2	90	XS
972	LA15DH0031	Vongluexay	Sounita	QTKD K15	18	25	20	25	4	92	XS
973	LA15DH0035	Channgakham	Mingkhram	QTKD K15	17	25	20	25	2	89	Tốt
974	LA15DH0022	Phathtana	Khampong	KT Điện K15	19	25	20	25	4	93	XS
975	LA15DH0003	Vangpor	Chuiyang	CK Ô tô K15	18	25	20	25	2	90	XS
976	LA15DH0023	Soukhavong	Sanhtisouk	Hầm lò K15	18	25	20	25	4	92	XS